



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 01 - THÁNG 01/2021- VOLUME: – JANUARY 2021

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

Vai trò của các chính sách kinh tế trước chu kỳ tài chính toàn cầu	Các thị trường vốn, COVID-19 và các biện pháp chính sách	Ngân hàng trung ương liệu đã sẵn sàng? Kết quả khảo sát lần thứ ba của BIS về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương	Các chính sách an toàn vĩ mô có ảnh hưởng đến các tổ chức tài chính phi ngân hàng hay không?
Trong bài báo này, nhóm nghiên cứu đặt câu hỏi liệu các quốc gia có thể tác động đến khả năng ảnh hưởng của những thay đổi trong điều kiện tài chính toàn cầu lên các quốc gia đó hay không. Chi tiết	Đại dịch COVID-19 và các phản ứng chính sách liên quan đã tạo nên một làn sóng tái phân bổ vốn lớn trong lịch sử giữa các thị trường và các loại tài sản. Sử dụng dữ liệu tần suất cao và ở cấp quốc gia, bài báo này kiểm tra xem số lượng các trường hợp nhiễm COVID, mức độ nghiêm ngặt của việc đóng băng (lockdown) và phản ứng của chính sách tài chính và tiền tệ liệu có quyết định được động lực của các dòng vốn đầu tư danh mục hay không và như thế nào. Chi tiết	Hầu hết các ngân hàng trung ương đang nghiên cứu về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) và công việc của họ vẫn tiếp tục diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Bài báo này cập nhật các cuộc khảo sát trước đó đã phỏng vấn các ngân hàng trung ương về kế hoạch của họ trong lĩnh vực này đang diễn tiến như thế nào. Chi tiết	Chúng tôi phân tích các chính sách an toàn vĩ mô (MaPs), phần lớn được áp dụng cho các ngân hàng và đối với người vay ở một mức độ thấp hơn, ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động của các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFI). Chi tiết
Kỳ vọng về kinh tế vĩ mô và chi tiêu thẻ tín dụng			
Kỳ vọng về kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến quyết định của người tiêu dùng như thế nào? Bài báo này báo cáo kết quả từ một thí nghiệm thực địa trên 2.872 khách hàng sử dụng thẻ tín dụng của một ngân hàng thương mại lớn để trả lời câu			

hỏi này. Chi tiết			
-----------------------------------	--	--	--

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

CÁC NHTW LIỆU ĐÃ SẴN SÀNG? - KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẦN THỨ BA CỦA NGÂN HÀNG THANH TOÁN QUỐC TẾ (BIS) VỀ TIỀN KỸ THUẬT SỐ CỦA NHTW

Hầu hết các NHTW đang nghiên cứu về tiền kỹ thuật số của NHTW (central bank digital currency - CBDC) và công việc này được đẩy mạnh trong đại dịch Covid-19. Nhìn chung, các NHTW bước vào giai đoạn tham gia hoạt động CBDC nâng cao, chuyển từ nghiên cứu khái niệm sang thử nghiệm. Trên thế giới, sự quan tâm đến CBDC tiếp tục được phát triển theo các đặc thù của mỗi nước. Tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, nơi các NHTW thể hiện động lực mạnh mẽ hơn, tài chính toàn diện và các mục tiêu về hiệu quả thanh toán là động lực để nghiên cứu về CBDC sử dụng cho mục đích chung (general purpose CBDC). Minh chứng cho những động lực này là việc phát hành CBDC đầu tiên ở Bahamas. Người đi đầu (Bahamas) có thể kéo theo các NHTW khác tham gia: các NHTW đại diện cho một phần năm dân số thế giới là có khả năng phát hành CBDC sử dụng cho mục đích chung trong ba năm tới. Tuy nhiên, phần lớn của các NHTW vẫn không có khả năng phát hành CBDC trong tương lai gần. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
ĐTNH-CS.001/19	Nghiên cứu, xây dựng nội dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng. (Chi tiết)	ThS. Võ Thị Thu Hương, Trưởng phòng, Cục II, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
ĐTNH-CS.003/19	Xác định chu kỳ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam. (Chi tiết)	ThS. Nguyễn Vũ Phương, Trưởng phòng, Vụ Ổn định Tiền tệ - Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
ĐTNH-CS.006/19	Giải pháp cải thiện vai trò của Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam. (Chi tiết)	TS. Đỗ Thị Bích Hồng - Phó Trưởng phòng, Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
DANH-CS.003/19	Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (Chi tiết)	ThS. Nguyễn Văn Anh - Giám đốc, Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ: PHÁT HUY VAI TRÒ TRỤ ĐỖ PHÁT TRIỂN CHO HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN. (Chi tiết)	DỮ LIỆU LỚN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ FOR DUMMIES. (Chi tiết)
ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ, AN TOÀN KHI TRIỂN KHAI EKYC. (Chi tiết)	KINH TẾ HỌC VIKING: CÁCH BẮC ÂU THÀNH CÔNG VÀ BÀI HỌC CHO CHÚNG TA - VIKING ECONOMICS. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Vai trò của các chính sách kinh tế trước chu kỳ tài chính toàn cầu (Facing the Global Financial Cycle: What Role for Policy).***Nguồn: IMF**Tác giả: Nicoletta Batini; Luigi Durand**Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế**Ngày xuất bản: 12/02/2020*

Trong bài báo này, nhóm nghiên cứu đặt câu hỏi liệu các quốc gia có thể tác động đến những thay đổi trong điều kiện tài chính toàn cầu hay không. Cụ thể, nhóm nghiên cứu chỉ ra mặc dù có thể lập mô hình dòng vốn xuyên quốc gia thông qua một yếu tố mang tính toàn cầu để theo dõi chặt chẽ những thay đổi trong điều kiện tài chính toàn cầu, nhưng mức độ nhạy cảm của mỗi quốc gia đối với cùng một yếu tố này có sự không đồng nhất. Sau đó, nhóm nghiên cứu đánh giá xem liệu sự không đồng nhất giữa các quốc gia này có thể do các lựa chọn chính sách khác nhau, bao gồm các biện pháp quản lý dòng vốn, chẳng hạn như kiểm soát vốn và chính sách an toàn vĩ mô hay không. Trong kết quả chính, nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra mức độ kiểm soát vốn cao hơn và các chính sách an toàn vĩ mô đều làm giảm mức độ nhạy cảm với yếu tố toàn cầu này. Thêm vào đó, nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra chính sách tiền tệ và chính sách tỷ giá của các quốc gia cũng có thể được áp dụng thành công. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy những vấn đề xảy ra trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và cộng hưởng chặt chẽ với những gián đoạn tài chính sau đại dịch COVID-19.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)**2. Các thị trường vốn, COVID-19 và các biện pháp chính sách (Capital Markets, COVID-19 and Policy Measures).***Nguồn: IMF**Tác giả: Khalid ElFayoumi; Martina Hengge**Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế**Ngày xuất bản: 12/02/2020*

Đại dịch COVID-19 và các phản ứng chính sách liên quan đã tạo nên một làn sóng tái phân bổ vốn lớn trong lịch sử giữa các thị trường và các loại tài sản. Sử dụng dữ liệu tần suất cao và ở cấp quốc gia, nghiên cứu này kiểm định số lượng các trường hợp nhiễm COVID, mức độ nghiêm ngặt của việc đóng băng (lockdown) và phản ứng của chính sách tài khóa và tiền tệ liệu có quyết định động lực của các dòng vốn đầu tư danh mục hay không. Mặc dù các yếu tố toàn cầu chi phối nhiều hơn, các tác giả nhận thấy rằng những yếu tố trong nước đóng vai trò quan trọng, đặc biệt đối với các thị trường mới nổi và dòng trái phiếu, góp phần vào làn sóng toàn cầu phân bổ lại các loại tài sản an toàn hơn. Kết quả cho thấy các trường hợp nhiễm COVID trong nước gia tăng có tác động tích cực mạnh mẽ đến dòng vốn đầu tư danh mục, điều này trả lời cho sự gia tăng nhu cầu tài chính ở các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi COVID. Các biện pháp đóng băng và chính sách tài khóa cũng dẫn đến sự gia tăng dòng vốn đầu

tư; tuy nhiên, bằng chứng từ thị trường CDS cho thấy sự gia tăng dòng vốn đầu tư danh mục bị chi phối bởi lực cung, phản ánh sự ưa thích của các nhà đầu tư đối với các phản ứng chính sách mạnh mẽ hơn. Ngược lại, các tác giả thấy rằng việc cắt giảm lãi suất dẫn đến dòng vốn đầu tư danh mục giảm do các nhà đầu tư tìm kiếm lợi suất cao hơn. Cuối cùng, các tác giả chỉ ra phản ứng chính sách đối với COVID cũng ảnh hưởng đến tác động của các quốc gia đối với cú sốc toàn cầu và rằng các điều kiện kinh tế vĩ mô trước COVID, chẳng hạn như rủi ro quốc gia thấp hơn và độ mở thương mại cao hơn, đã góp phần tạo ra dòng chảy lớn hơn trong thời kỳ COVID.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Ngân hàng trung ương liệu đã sẵn sàng? Kết quả khảo sát lần thứ ba của BIS về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (Ready, steady, go? - Results of the third BIS survey on central bank digital currency).

Nguồn: BIS

Tác giả: Codruta Boar; Andreas Wehrli

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu ngân hàng tài chính

Ngày xuất bản: 27/01/2021

Hầu hết các ngân hàng trung ương đang nghiên cứu về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) và công việc của họ vẫn tiếp tục diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Bài báo này cập nhật các cuộc khảo sát trước đó đã phỏng vấn các ngân hàng trung ương về kế hoạch của họ trong lĩnh vực này đang triển khai như thế nào. Các phản hồi mới nhất cho thấy nói chung, các ngân hàng trung ương đang chuyển từ nghiên cứu khái niệm sang thử nghiệm thực tế. Ngoài ra, bài báo nhấn mạnh rằng trong khi hầu hết các ngân hàng không có kế hoạch phát hành CBDC trong tương lai gần, các ngân hàng trung ương đại diện cho một phần năm dân số thế giới có khả năng phát hành CBDC bán lẻ trong ba năm tới. Đại dịch Covid19 đã tiếp thêm động lực mới cho hoạt động này.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Các chính sách an toàn vĩ mô có ảnh hưởng đến các tổ chức tài chính phi ngân hàng hay không? (Do macroprudential policies affect non-bank financial intermediation?).

Nguồn: BIS

Tác giả: Stijn Claessens; Giulio Cornelli; Leonardo Gambacorta; Francesco Manaresi & Shiina; Yasushi

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu ngân hàng tài chính

Ngày xuất bản: 11/02/2021

Chúng tôi phân tích các chính sách an toàn vĩ mô (MaPs), phần lớn được áp dụng cho các ngân hàng và đối với người vay ở một mức độ thấp hơn, ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động của các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs). Sử dụng dữ liệu của 24 quốc gia tham gia vào cuộc kiểm tra giám sát của Ủy ban Ổn định Tài chính trong giai đoạn 2002–17, chúng tôi nghiên cứu ảnh hưởng của các giai đoạn MaP đối

với tài sản ngân hàng và đối với các hoạt động của NBFI có thể liên quan đến rủi ro ổn định tài chính giống như ngân hàng (biện pháp theo nghĩa hẹp của NBFI). Chúng tôi nhận thấy rằng việc thắt chặt ròng đối với các MaP trong nước làm tăng các hoạt động này của NBFI và làm giảm tài sản ngân hàng, nâng tỷ trọng tài sản của NBFI trong tổng tài sản tài chính. Ngược lại, việc thắt chặt ròng các MaP ở quốc gia nước ngoài dẫn đến việc giảm tỷ trọng tài sản của NBFI - tác động của việc giảm hoạt động của NBFI và tăng tài sản ngân hàng trong nước. Việc thắt chặt và nới lỏng MaP có tác động tương ứng đến NBFI. Chúng tôi nhận thấy rằng tác động của MaPs (cả trong và ngoài nước) là có ý nghĩa thống kê và ý nghĩa kinh tế đối với tất cả các chức năng kinh tế của NBFI mà có thể gây rủi ro đối với ổn định tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Kỳ vọng về kinh tế vĩ mô và chi tiêu thẻ tín dụng (Macroeconomic Expectations and Credit Card Spending).

Nguồn: WB

Tác giả: Galashin; Mikhail Kanz; Martin Perez; Truglia. Ricardo

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 25/01/2021

Kỳ vọng về kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến quyết định của người tiêu dùng như thế nào? Nghiên cứu này báo cáo kết quả từ một cuộc thử nghiệm thực địa trên 2.872 khách hàng sử dụng thẻ tín dụng của một ngân hàng thương mại lớn để trả lời câu hỏi trên. Những người tham gia thử nghiệm lần đầu tiên hoàn thành cuộc khảo sát đo lường kỳ vọng của người tiêu dùng về lạm phát trong tương lai và tỷ giá hối đoái danh nghĩa. Cuộc khảo sát này được kết hợp với một thử nghiệm cung cấp thông tin tạo ra sự thay đổi ngoại sinh trong kỳ vọng kinh tế vĩ mô của người trả lời. Dữ liệu khảo sát và thử nghiệm sau đó được hợp nhất với dữ liệu quản trị chi tiết về các giao dịch và số dư thẻ tín dụng của người tham gia. Thử nghiệm được thiết kế để kiểm tra ba dự đoán tiêu chuẩn từ các mô hình về lựa chọn tiêu dùng liên thời gian: kỳ vọng lạm phát sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu cho các mặt hàng lâu bền; kỳ vọng tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu cho các hàng hóa tiêu dùng; và việc giữ nguyên lãi suất danh nghĩa không đổi, kỳ vọng lạm phát sẽ ảnh hưởng đến việc đi vay. Phân tích cho thấy rằng thông tin được cung cấp cho người tham gia ảnh hưởng mạnh mẽ đến các kỳ vọng chủ quan. Tuy nhiên, không có tác động đáng kể nào được tìm thấy đối với hành vi tiêu dùng thực tế (được đo bằng dữ liệu hành chính) hoặc các kế hoạch tiêu dùng cá nhân (được đo trong dữ liệu khảo sát). Cách giải thích được ưa thích là người tiêu dùng không đủ tinh tế để đưa kỳ vọng lạm phát và tỷ giá hối đoái vào các quyết định tiêu dùng của họ. Sự thiếu vắng của mối liên hệ giữa kỳ vọng và hành vi của người tiêu dùng là gợi ý quan trọng đối với các chính sách kinh tế vĩ mô.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

CÁC NHTW LIỆU ĐÃ SẴN SÀNG? - KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẦN THỨ BA CỦA NGÂN HÀNG THANH TOÁN QUỐC TẾ (BIS) VỀ TIỀN KỸ THUẬT SỐ CỦA NHTW¹

Hầu hết các NHTW đang nghiên cứu về tiền kỹ thuật số của NHTW (central bank digital currency - CBDC) và công việc này được đẩy mạnh trong đại dịch Covid-19. Nhìn chung, các NHTW bước vào giai đoạn tham gia hoạt động CBDC nâng cao, chuyển từ nghiên cứu khái niệm sang thử nghiệm. Trên thế giới, sự quan tâm đến CBDC tiếp tục được phát triển theo các đặc thù của mỗi nước. Tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, nơi các NHTW thể hiện động lực mạnh mẽ hơn, tài chính toàn diện và các mục tiêu về hiệu quả thanh toán là động lực để nghiên cứu về CBDC sử dụng cho mục đích chung (general purpose CBDC). Minh chứng cho những động lực này là việc phát hành CBDC đầu tiên ở Bahamas. Người đi đầu (Bahamas) có thể kéo theo các NHTW khác tham gia: các NHTW đại diện cho một phần năm dân số thế giới là có khả năng phát hành CBDC sử dụng cho mục đích chung trong ba năm tới. Tuy nhiên, phần lớn của các NHTW vẫn không có khả năng phát hành CBDC trong tương lai gần.

Giới thiệu

Báo cáo này trình bày kết quả khảo sát được thực hiện đối với hơn 60 NHTW vào cuối năm 2020 về sự tham gia của họ vào các hoạt động CBDC, động cơ thúc đẩy và ý định liên quan đến việc phát hành CBDC. Các NHTW cũng đưa ra quan điểm của họ về khuôn khổ pháp lý cho CBDC cũng như đánh giá của họ về việc sử dụng tiền mã hóa (cryptocurrency) và đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định (stablecoin) tại các quốc gia của mình.

Trong suốt năm 2020, hoạt động CBDC tiếp tục diễn ra trong thời kỳ đại dịch Covid-19.² Phần lớn các NHTW tham gia khảo sát - 86% - hiện đang nghiên cứu về những lợi ích và hạn chế của CBDC. Trong những tháng gần đây, các NHTW lớn công bố rất nhiều đánh giá chuyên sâu về các vấn đề chính sách liên quan và **kiểm tra về các mẫu thiết kế** (Auer và cộng sự (2020a)). Năm 2020 cũng đánh dấu sự xuất hiện của một CBDC sử dụng cho mục đích

¹ Chúng tôi cảm ơn Raphael Auer, Giulio Cornelli, Umar Faruqui, Jon Frost, Jenny Hancock, Thomas Lammer, Thomas Nilsson, Tara Rice và Takeshi Shirakami vì những nhận xét quý báu của họ. Chúng tôi cũng rất biết ơn Ilaria Mattei vì sự hỗ trợ nghiên cứu tuyệt vời của cô ấy. Các quan điểm được trình bày trong bài viết này là quan điểm của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của BIS

² Để biết thêm chi tiết về tác động của đại dịch Covid-19 đối với CBDC, xem Hộp A

chung (general purpose CBDC) khi Bahamas giới thiệu Sand Dollar cho cư dân của mình vào ngày 20 tháng 10 năm 2020.³

Điều này cho thấy việc triển khai rộng hơn CBDC vẫn đang được thực hiện.⁴ Một số NHTW với các dự án CBDC tiên tiến đang thận trọng hơn về khung thời gian phát hành CBDC. Trong khi đó, nhận thức ngày càng đầy đủ về tác động xuyên biên giới của CBDC đối với hệ thống tài chính đã thúc đẩy quốc tế sự hợp tác giữa các NHTW để tìm ra nền tảng chung về chính sách.⁵

Tiền kỹ thuật số của NHTW là gì?

CBDC là tiền kỹ thuật số do NHTW phát hành được xác định bằng đơn vị tính toán quốc gia (national unit of account) và là tài sản nợ của NHTW. Nếu CBDC được xác định là tiền mặt được số hóa để người dùng cuối cùng (hộ gia đình và doanh nghiệp) sử dụng thì sẽ được gọi là CBDC “sử dụng cho mục đích chung” (general purpose CBDC) hoặc CBDC “bán lẻ” (retail CBDC).⁶ Như vậy, nó đưa ra một lựa chọn mới để công chúng để nắm giữ tiền. CBDC khác với tiền mặt, vì nó có hình thức kỹ thuật số không giống như tiền xu và tiền giấy vật lý. CBDC cũng khác các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt của người tiêu dùng hiện nay như ủy nhiệm chi (credit transfer), ủy nhiệm thu (direct debit), thanh toán thẻ (card payment) và tiền điện tử (e-money), vì nó đại diện cho một quyền yêu cầu đòi nợ trực tiếp (direct claim) đối với NHTW, chứ không phải là tài sản nợ của tổ chức tài chính tư nhân. Loại yêu cầu thanh toán không rủi ro này cũng làm cho CBDC khác với tiền mã hóa (cryptocurrency) (chẳng hạn như Bitcoin) hoặc tiền kỹ thuật số tư nhân (private digital token) khác (ví dụ: đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định (stablecoin) như Tether).

Trái ngược với CBDC bán lẻ, CBDC bán buôn hướng tới một nhóm người dùng khác. Nó được thiết kế để giới hạn các đối tượng tiếp cận như các tổ chức tài chính và (CBDC) tương tự như tài khoản dự trữ và thanh toán của NHTW ngày nay. Theo đó, nó được sử dụng để thanh toán bù trừ đối với các giao dịch liên ngân hàng có giá trị lớn hoặc để cung cấp tiền NHTW để giải quyết thanh toán bù trừ đối với các giao dịch tài sản tài chính mã hóa kỹ thuật

³ Để biết thêm chi tiết về Dự án Sand Dollar, xem CBB (2020). Một số dự án khác đã được tham chiếu là CBDC trên các phương tiện truyền thông không được tính đến ở bài báo này. Bởi vì chúng tôi coi đó là những sáng kiến tư nhân (eCFA ở Senegal và các quốc gia khác ở phương Tây Châu Phi), không nhằm mục đích thanh toán (LBCoin của Lithuania), hệ thống thanh toán điện tử được hoàn vốn trước (Dự án Bakong ở Campuchia) hoặc được thực hiện mà không có cơ quan quản lý tiền tệ (SOV ở quần đảo Marshall)

⁴ Đối với các phiên bản trước của cuộc khảo sát này, xem Boar và cộng sự (2020) và Barontini và Holden (2019)

⁵ Xem: Nhóm các ngân hàng trung ương (2020)

⁶ Xuyên suốt bài báo, thuật ngữ “sử dụng cho mục đích chung” và “bán lẻ” được sử dụng thay thế cho nhau.

số (digital tokenised financial asset) trong một cơ sở hạ tầng mới (Bech và cộng sự (2020)). Cuộc khảo sát này bao gồm cả hai loại CBDC.

Bổ sung yếu tố Covid-19 vào khảo sát trước đây

Các câu hỏi trong khảo sát CBDC năm 2020

Cuộc khảo sát được thực hiện vào quý 4 năm 2020. Trong khi hầu hết các câu hỏi từ các cuộc khảo sát năm 2018 và 2019⁷ vẫn không thay đổi để đảm bảo tính nhất quán, một số câu hỏi đã được thêm vào để nắm bắt tác động của đại dịch Covid-19.

Cuộc khảo sát phỏng vấn các NHTW liệu họ có đang thực hiện công việc liên quan đến CBDC hay không, và nếu có thì cung cấp thông tin về loại hình và tình hình triển khai hoạt động CBDC. Động lực và kỳ vọng hiện tại về khả năng phát hành CBDC đã được truy vấn, cũng như liệu các NHTW có thẩm quyền hợp pháp để phát hành CBDC hay không. Ở những lần trước đây, khảo sát bao gồm các câu hỏi về tiền mã hóa (cryptocurrency) và các loại tiền kỹ thuật số tư nhân khác (private digital token) cũng như việc sử dụng chúng để thanh toán. Chúng (tiền kỹ thuật số tư nhân) bao gồm nhiều loại kỹ thuật số không do NHTW phát hành. Cuộc khảo sát phân biệt giữa cái gọi là tiền mã hóa (cryptocurrency)⁸ và các loại tiền kỹ thuật số tư nhân khác (ví dụ: đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định - stablecoin⁹). Tất cả câu hỏi được liệt kê tại Phụ lục 2.

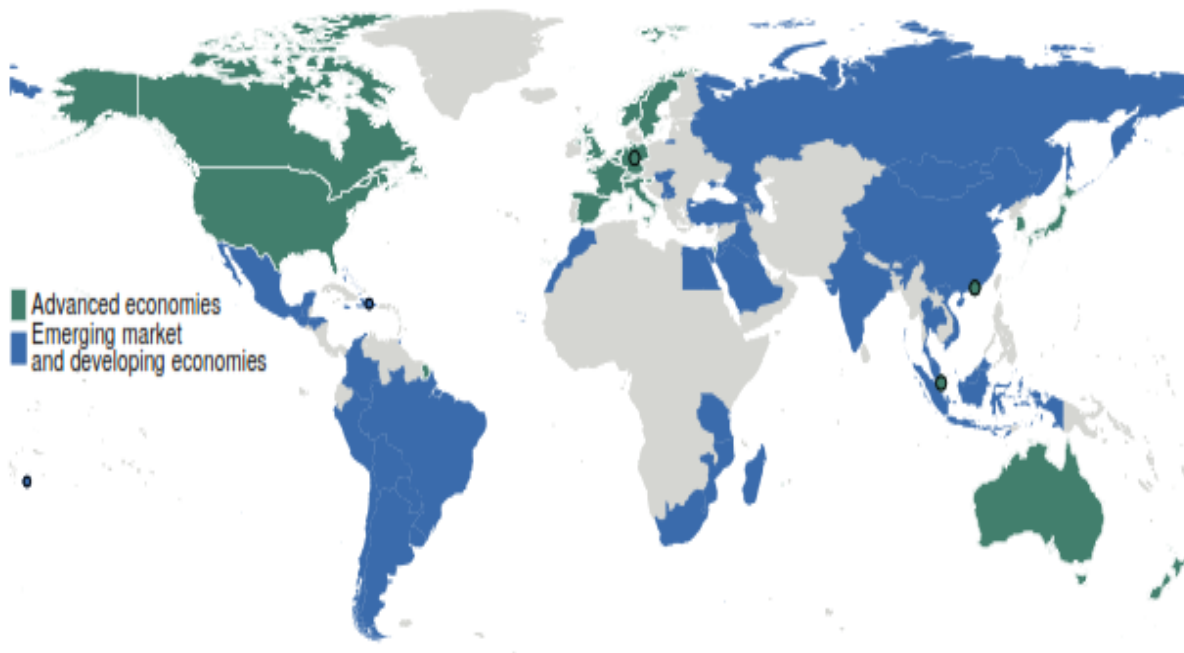
Mẫu khảo sát và phạm vi địa lý

Biểu đồ 1

⁷ Một cuộc khảo sát khác tương tự, nhưng quy mô nhỏ hơn và chưa được công bố đã được thực hiện vào năm 2017. Kết quả được tính đến nếu có liên quan.

⁸ “Tiền mã hóa” (cryptocurrency) được định nghĩa trong cuộc khảo sát là các mã thông báo kỹ thuật số phi tập trung mà không có tổ chức phát hành, không phải đại diện của bất kỳ tài sản hoặc trách nhiệm pháp lý cơ bản nào.

⁹ Tiền kỹ thuật số tư nhân (private digital token) có nhà phát hành có thể nhận dạng được hoặc đại diện cho một yêu cầu thanh toán và/hoặc tài sản được bảo lãnh.



Các vòng tròn màu đen đại diện cho Cộng hòa Dominica, NHTW Châu Âu, Đặc khu hành chính Hồng Kông, Singapore và Tonga. "Các nền kinh tế phát triển" và "thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển" được xác định theo phân loại quốc gia về Triển vọng Kinh tế Thế giới của IMF.

Việc sử dụng bản đồ này không cấu thành, và không nên được hiểu là cấu thành, một sự thể hiện quan điểm của BIS về mặt pháp lý tình trạng hoặc chủ quyền của bất kỳ lãnh thổ nào hoặc các cơ quan có thẩm quyền của nó, sự phân định ranh giới và ranh giới quốc tế và/hoặc tên và chỉ định của bất kỳ lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào.

Vào năm 2020, 65 NHTW đã trả lời khảo sát¹⁰ (Đồ thị 1 và Phụ lục A). Số lượng NHTW trả lời đại diện cho gần 72% dân số thế giới và 91% sản lượng kinh tế toàn cầu, trong đó 21 NHTW ở các nền kinh tế tiên tiến (AE) và 44 NHTW ở thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDEs).

NHTW trả lời khảo sát

Sự quan tâm của các NHTW đối với CBDC tăng lên

Trong bốn năm qua, tỷ lệ các NHTW tích cực tham gia vào các hoạt động CBDC tăng khoảng một phần ba và hiện là 86% (Biểu đồ 2, bảng bên trái). Dữ liệu khảo sát cho thấy công việc liên quan đến CBDC bán lẻ đang tăng lên một cách tương đối phổ biến, với nhiều NHTW hơn hoặc đang xem xét cả bán buôn và bán lẻ hoặc thu hẹp phạm vi hoạt động vào việc bán lẻ (bảng ở giữa).

Các NHTW hiện không tham gia vào bất kỳ hoạt động CBDC nào **chủ yếu ở các quốc gia nhỏ hơn**. Phát hiện này phù hợp với kết quả của hai cuộc khảo sát trước đó. Nghiên

¹⁰ Trong số này, 54 NHTW tham gia cuộc khảo sát năm 2019 và 48 NHTW đã trả lời lần thứ ba. So sánh kết quả sử dụng mẫu đầy đủ năm 2020 và sử dụng mẫu con của các NHTW trả lời cả ba cuộc khảo sát đều cho thấy kết quả nhất quán. Nếu có liên quan, sự khác biệt do thay đổi mẫu được đánh dấu trong văn bản.

cứ cũng cho thấy rằng CBDC có nhiều khả năng đang được nghiên cứu và phát triển tại các quốc gia (hoặc các thể chế pháp lý) có tỷ lệ điện thoại di động, năng lực đổi mới¹¹ cao và sở thích tìm kiếm trên internet đối với các CBDC, mặc dù có một số khác biệt giữa CBDC bán lẻ và CBDC bán buôn (Auer và cộng sự (2020d)).

Các NHTW đang chuyển sang các mức độ cao hơn trong các cam kết về CBDC, chuyển từ nghiên cứu khái niệm sang thử nghiệm. Khoảng 60% NHTW (tăng từ mức 42% vào năm 2019) đang tiến hành thử nghiệm hoặc thực hiện ý tưởng (proof-of-concept), trong khi 14% NHTW đang tiến tới các thỏa thuận phát triển và thí điểm (Biểu đồ 2, bảng bên phải). Không ngạc nhiên khi những xu hướng chung này có sự khác biệt lớn theo quốc gia và loại hình của nền kinh tế. Ngoài ra, việc đẩy mạnh hoạt động CBDC không ảnh hưởng đến quyết định chính sách về việc có thực sự khởi động một CBDC hay không, nhưng nó thể hiện sự quan tâm sâu sắc (của NHTW).

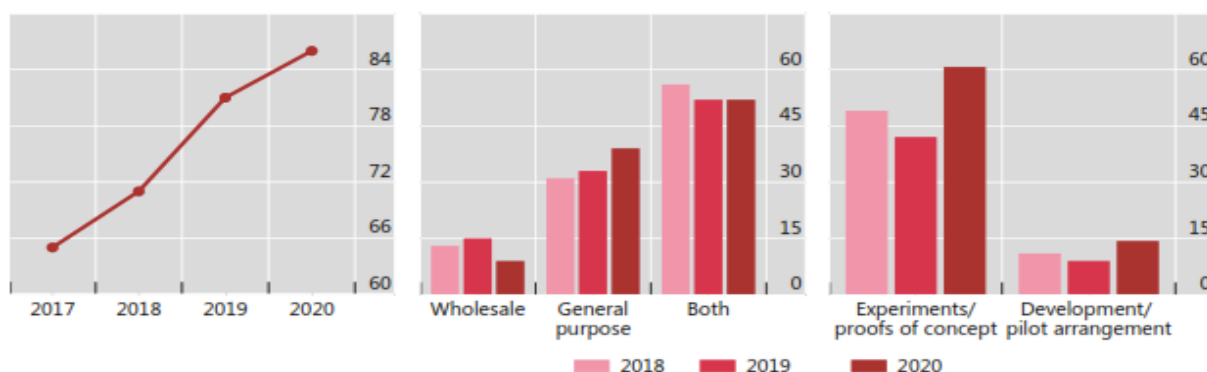
Hoạt động CBDC của NHTW có thêm tiến triển.

Biểu đồ 2: Chia sẻ của người trả lời!

Tham gia vào công việc CBDC

Trọng tâm công việc¹

Loại hình công việc ngoài nghiên cứu¹



¹Chia sẻ của những người được hỏi khi tiến hành công việc về CBDC.

Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Đặc thù mỗi nước tạo nên động lực thúc đẩy hoạt động CBDC

Các NHTW tiếp tục xem xét phát hành CBDC vì nhiều lý do khác nhau. Cuộc khảo sát hỏi về một tập hợp các động lực được xác định trước - bao gồm sự ổn định tài chính, việc thực thi chính sách tiền tệ và tài chính toàn diện cũng như hiệu quả và sự an toàn của hoạt động thanh toán. Để phân biệt tầm quan trọng tương đối của những động lực này, các NHTW đã sắp xếp các yếu tố tiềm năng được xác định trước này từ mức “không quá quan trọng” đến “rất quan trọng” để phát hành CBDC bán lẻ và CBDC bán buôn.

¹¹ Sử dụng Chỉ số Đổi mới Toàn cầu của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO).

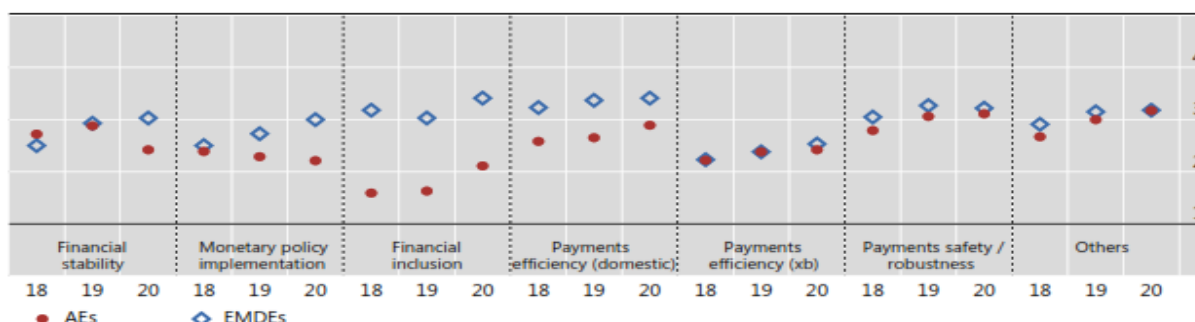
Nhìn chung, các câu trả lời cho thấy rằng tất cả các yếu tố này đều góp phần vào việc các NHTW quan tâm đến CBDC ở một mức độ nào đó. Đồng thời, bức tranh dường như cân bằng này (Đồ thị 3 và 4) che dấu sự khác biệt giữa AE và EMDE cũng như một số động lực cụ thể của các quốc gia nhất định (được thảo luận dưới đây). Có vẻ như trọng số của các động lực khác nhau phụ thuộc vào các yếu tố như mức độ phát triển và cấu trúc của hệ thống thanh toán quốc gia và mức độ tài chính toàn diện tại quốc gia nghiên cứu (Richards và cộng sự (2020)). Động lực đối với CBDC bán buôn (wholesale) và CBDC sử dụng cho mục đích chung (general purpose) cũng khác nhau.

Tài chính toàn diện và nâng cao hoạt động thanh toán là động lực chính đối với CBDC bán lẻ

Nói chung, các EMDE cho thấy động lực ban hành CBDC mạnh hơn các AE (Biểu đồ 3). Tài chính toàn diện nổi lên như một yếu tố chính trong các EMDE và vẫn là ưu tiên hàng đầu để phát triển CBDC.¹² Một trường hợp điển hình là CBDC “trực tiếp” ở Bahamas: Sand Dollar được giới thiệu để góp phần thực hiện tài chính toàn diện ở quốc gia 390.000 người dân trải dài trên 30 hòn đảo có người sinh sống với nhiều hòn đảo ở xa.

Động cơ phát hành CBDC bán lẻ

Biểu đồ 3: Tầm quan trọng trung bình



1) = “Không quá quan trọng”; (2) = “Ít quan trọng”; (3) = “Quan trọng”; (4) = “Rất quan trọng”.

Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Các động lực liên quan đến thanh toán, chẳng hạn như hiệu quả thanh toán trong nước và an toàn thanh toán vẫn là trọng tâm của động lực phát hành CBDC ở cả AE và EMDE.

Cuộc khảo sát cũng cho thấy, theo thời gian, ổn định tài chính và chính sách tiền tệ trở thành động lực quan trọng hơn cho hoạt động CBDC của EMDE. Ngược lại, các động lực này dường như đã trở nên ít quan trọng hơn đối với AE. Tuy nhiên, sự lưu ý về vai trò tiềm năng của CBDC trong các lĩnh vực nói trên thể hiện rõ nét ở mục “khác”, cũng như trong

¹² Khía cạnh này cũng được thảo luận trong báo cáo của CPMI và Nhóm Ngân hàng Thế giới về các khía cạnh của thanh toán đối với tài chính toàn diện trong kỷ nguyên fintech; xem CPMI-WB (2020)

nhận xét của một số NHTW AEs: một CBDC có thể giúp duy trì chủ quyền tiền tệ của một quốc gia khi đối mặt với “đô la hóa kỹ thuật số” hoặc cung cấp một giải pháp thay thế công khai trong trường hợp áp dụng rộng rãi kỹ thuật số tư nhân (private digital currency) **được ghi bằng** các ngoại tệ chủ chốt (denominated in major foreign currency). Một động lực quan trọng khác được một số NHTW AE và EMDE nhấn mạnh là đảm bảo việc tiếp cận tiền NHTW của các hộ gia đình và doanh nghiệp không bị gián đoạn trong bối cảnh tiền mặt trong giao dịch giảm dần.

Tập trung vào các dự án CBDC bán buôn

CBDC bán buôn được coi là ít được ưu tiên hơn trên toàn cầu so với CBDC sử dụng cho mục đích chung. Điều này được phản ánh cả trong số lượng các dự án đang thực hiện và tại động lực yếu hơn được chỉ ra bởi các NHTW (Biểu đồ 4) liên quan đến loại CBDC này.

Sự phân bổ về mức độ ưu tiên phản ánh điều nói trên đối với CBDC bán lẻ và đáng chú ý là các động lực liên quan đến thanh toán trở nên quan trọng nhất. Tuy nhiên, cũng có những khác biệt đáng chú ý. Tài chính toàn diện là động lực ít quan trọng hơn đối với CBDC bán buôn, điều này thể hiện rõ nét khi tập trung vào các giao dịch giữa các tổ chức tài chính mà không phải là giao dịch giữa những người sử dụng.¹³

Các động lực để phát hành CBDC bán buôn

Biểu đồ 4: Tầm quan trọng bình quân



(1) = "Không quá quan trọng"; (2) = "Ít quan trọng"; (3) = "Quan trọng"; (4) = "Rất quan trọng".

Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Lĩnh vực duy nhất mà động lực (tính bình quân) cho các CBDC bán buôn là mạnh hơn đối với các CBDC bán lẻ là ở hiệu quả thanh toán xuyên biên giới. Như đã nêu trước đây (Boar và cộng sự (2020)), đánh giá này được nhấn mạnh bởi các hoạt động thử nghiệm đang

¹³ Tuy nhiên, CBDC bán buôn vẫn có thể hỗ trợ việc chuyển tiền thuận sẽ hơn hoặc chuyển khoản ít tốn kém hơn cho người dùng cuối.

diễn ra của các NHTW¹⁴ và sẽ được nghiên cứu sâu hơn trong khuôn khổ chương trình quốc tế hợp tác để tăng cường thanh toán xuyên biên giới (CPMI (2020), FSB (2020a)).

Các phản hồi khảo sát cho thấy các động lực quan trọng khác đối với việc phát hành CBDC bán buôn như phát triển thị trường vốn, tăng cường an ninh mạng khả năng phục hồi và những cải thiện trong giao dịch và thanh toán chứng khoán. Các thực nghiệm là đang được thực hiện đối với giao dịch và thanh toán chứng khoán. Ví dụ: Dự án Helvetia của Trung tâm Đổi mới BIS, Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ và nhà cung cấp cơ sở hạ tầng SIX, đã khám phá tính khả thi về chức năng và tính pháp lý mạnh mẽ của việc thanh toán các tài sản mã hóa với CBDC bán buôn (BIS và cộng sự (2020)).

Khi triển khai hoạt động CBDC, các động lực thay đổi

Nhu cầu về CBDCs trong EMDE được nhận thức mạnh mẽ hơn nghĩa là có nhiều khả năng đã chuyển sang giai đoạn thí điểm hoặc giai đoạn thực hiện. Cuộc khảo sát cho thấy bảy trong số tám NHTW trong giai đoạn hoạt động nâng cao CBDC nằm trong EMDE. Trong các quốc gia này, trọng tâm là CBDC cho các khoản thanh toán trong nước. Tuy nhiên, các EMDE lớn hơn với các thí điểm đang diễn ra cũng xem xét hiệu quả thanh toán xuyên biên giới là một yếu tố quan trọng.

Các NHTW tham gia khảo sát có thể được chia thành ba nhóm theo giai đoạn mà họ đang thực hiện: nhóm chỉ tiến hành nghiên cứu, nhóm làm việc bổ sung về các bằng chứng của khái niệm, và nhóm đang trong giai đoạn cao hơn trong hoạt động CBDC. Khảo sát cho thấy động lực khác nhau giữa các nhóm này đối với cả CBDC sử dụng cho mục đích chung và CBDC bán buôn (Biểu đồ 5). Trong khi hiệu quả và an toàn trong hoạt động thanh toán là động lực quan trọng nhất bất kể ở giai đoạn nào, động lực trong giai đoạn cao hơn sẽ bổ sung các yếu tố như ổn định tài chính.

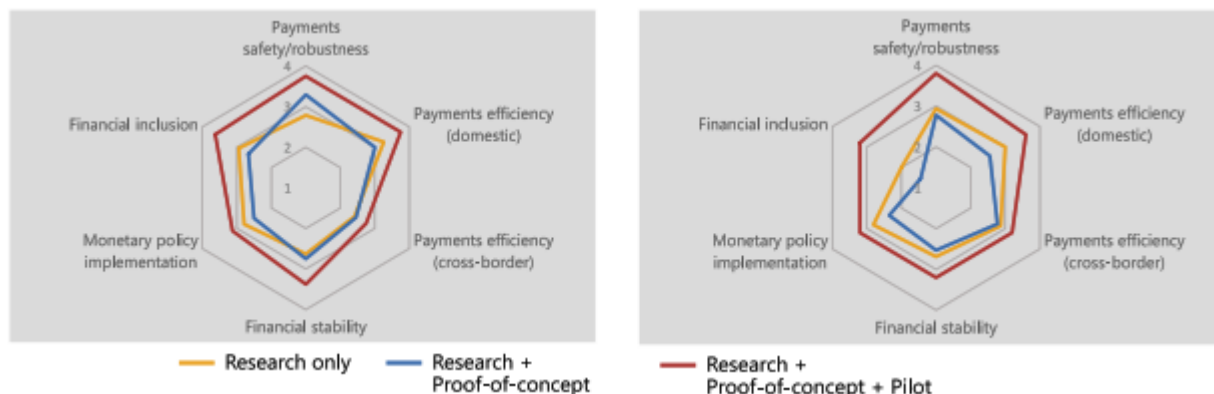
Các động lực chính của hoạt động CBDC theo giai đoạn

Biểu đồ 5 Tầm quan trọng trung bình

CBDC bán lẻ

CBDC bán buôn

¹⁴ Ví dụ như Dự án “Stella” của NHTW Châu Âu và NHTW Nhật Bản; Dự án “Jasper-Ubin” của NHTW Canada và Cơ quan Tiền tệ Singapore; Dự án “Inthanon-LionRock” của Cơ quan Tiền tệ Hồng Kông và NHTW Thái Lan; và Dự án “Aber” của Cơ quan Tiền tệ Ả Rập Saudi và NHTW Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất.



(1) = "Không quá quan trọng"; (2) = "Ít quan trọng"; (3) = "Quan trọng"; (4) = "Rất quan trọng".

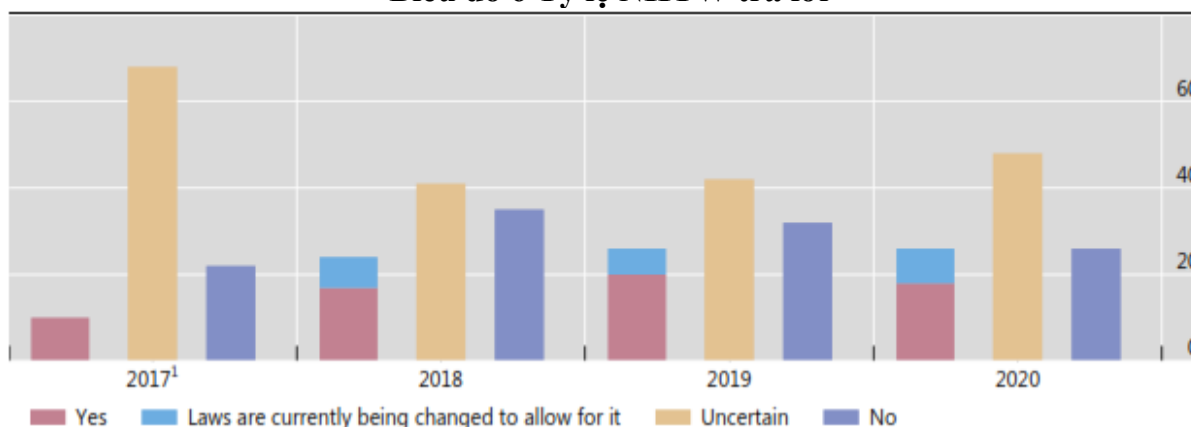
Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Thẩm quyền pháp lý để phát hành CBDC vẫn chưa rõ ràng ở nhiều quốc gia

Một khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ và rõ ràng là điều kiện tiên quyết cần thiết cho NHTW phát hành CBDC. Tại hai khảo sát trước, khoảng một phần tư các NHTW có, hoặc sẽ sớm có cơ quan pháp lý ban hành CBDC (Biểu đồ 6).

Cơ quan pháp lý của các NHTW ban hành CBDC

Biểu đồ 6 Tỷ lệ NHTW trả lời



¹Không có lựa chọn nào cho "luật hiện đang được thay đổi để cho phép điều đó" trong cuộc khảo sát năm 2017.

Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Kể từ cuộc khảo sát đầu tiên về câu hỏi này vào năm 2017, đã có một xu hướng chậm nhưng chắc chắn là ngày càng nhiều NHTW hoặc là có được thẩm quyền pháp lý hoặc xác định rõ là không có (thẩm quyền pháp lý). Khoảng 26% NHTW không có thẩm quyền phát hành CBDC và khoảng 48% vẫn không chắc chắn.¹⁵ Phần lớn các NHTW chưa tìm cách làm rõ về nhiệm vụ của họ về mặt này cho thấy rằng hầu hết các NHTW chưa có tiến triển đáng kể và sắp xếp việc thí điểm (phát hành CBDC).

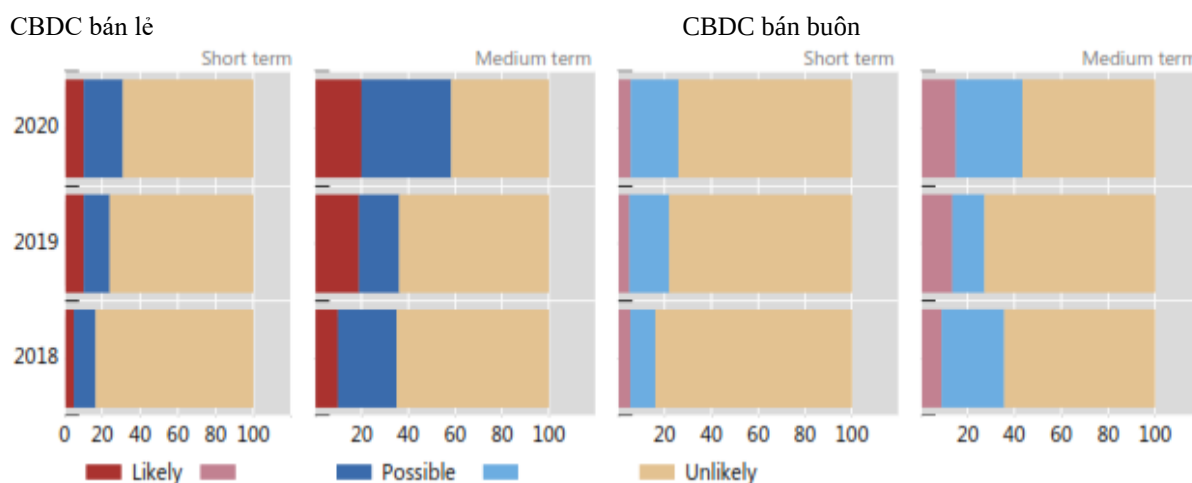
¹⁵ Tỷ lệ câu trả lời tăng lên cho thấy sự không chắc chắn về cơ quan có thẩm quyền của việc phát hành CBDC có thể là do những thay đổi trong mẫu so với cuộc khảo sát năm 2019

Đa số các NHTW không có khả năng phát hành CBDC tương lai gần - nhưng nhiều NHTW đang trở nên thích nghi với khả năng này

Trong khi CBDC “trực tiếp” đã được phát hành cho công chúng sử dụng, nó chỉ phục vụ một số lượng nhỏ của dân số thế giới. Điều này có thể sẽ thay đổi. Như trong năm qua, khảo sát¹⁶ thấy rằng các NHTW đại diện cho một phần năm dân số thế giới đang có khả năng phát hành CBDC sử dụng cho mục đích chung trong ba năm tới. Ngoài ra, khoảng 21% của các quốc gia (tăng từ 14%) coi đây là một khả năng (Biểu đồ 7).

Khả năng phát hành CBDC tiếp tục tăng

Biểu đồ 7: Tỷ lệ NHTW trả lời



Ngắn hạn: 1–3 năm; Trung hạn: 1–6 năm. “Có khả năng” kết hợp giữa “rất có thể” và “có thể xảy ra”. “Không có khả năng” kết hợp “rất khó xảy ra” và “hơi không chắc chắn”.

Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Như những năm trước, các NHTW EMDE cho rằng mình có nhiều khả năng phát hành một CBDC sử dụng cho mục đích chung hơn các AE. Tuy nhiên, trái ngược với những năm trước, 1/5 các NHTW AE ước tính rằng việc phát hành CBDC sử dụng cho mục đích chung ít nhất là “có thể” trong ngắn hạn hoặc trung hạn, tăng từ một NHTW trong năm trước.

¹⁶ Khảo sát đã đo lường ý định của NHTW về việc phát hành một trong hai loại CBDC trong ngắn hạn (tối đa ba năm) và trung hạn (lên đến sáu năm). Khả năng xảy ra trên thang điểm năm, từ “rất có thể” thành “rất khó xảy ra”

Nhìn chung, khoảng 60% NHTW vẫn cho rằng mình không có khả năng phát hành CBDC trong tương lai gần (tức là trong ngắn hạn và trung hạn). Tuy nhiên, số đông này đã trở nên nhỏ hơn theo thời gian, chủ yếu là do tỷ lệ các đánh giá “rất khó xảy ra” giảm dần và sự gia tăng tương xứng trong các quốc gia đánh giá việc phát hành là “khả thi”, trong cả AE và EMDE. Điều này chỉ ra rằng sự kết hợp của các yếu tố đã thúc đẩy số lượng NHTW hình dung đến một tương lai có CBDC theo cách này hay cách khác. Những yếu tố này có thể bao gồm việc tiếp tục nghiên cứu và phát triển về CBDC, kỹ thuật số hóa đang được tăng tốc của lĩnh vực khoản thanh toán trong đại dịch Covid-19 và tác động của đồng tiền kỹ thuật số toàn cầu có giá trị ổn định (global stablecoin).

Việc phát hành CBDC bán buôn được coi là ít khả năng hơn khi so với CBDC sử dụng cho mục đích chung, và sự quan tâm (với CBDC) là rõ ràng hơn trong EMDE. Tuy nhiên, tương tự như xu hướng được quan sát liên quan đến CBDC sử dụng cho mục đích chung, cuộc khảo sát cho thấy số lượng giảm liên tục của khu vực pháp lý dẫn đến dự đoán CBDC bán buôn trong ngắn hạn và trung hạn là “rất khó xảy ra” và một số lượng ngày càng tăng xem CBDC bán buôn là “có thể” **trong trung hạn**.

Cần lưu ý rằng thành phần của nhóm các quốc gia phát hành CBDC bán buôn hoặc bán lẻ được cho là “có khả năng xảy ra” trong ngắn hạn và trung hạn đã thay đổi đáng kể kể từ cuộc khảo sát gần nhất. Ví dụ, một nửa NHTW cho biết vào năm 2019 rằng họ “có khả năng” phát hành CBDC trong ngắn hạn đã hạ khả năng của họ xuống “có thể” hoặc “không chắc”. Các phản hồi cũng cho thấy rằng ở một số quốc gia, các kế hoạch vẫn được duy trì nhưng được đẩy xa hơn trong tương lai. Một số quốc gia tương ứng đã rút ngắn ước tính thời gian của họ. Bản sửa đổi này thể hiện sự phức tạp đáng kể liên quan đến các dự án CBDC. Đồng thời, tỷ lệ ổn định của các NHTW có tham vọng về CBDC là một minh chứng cho việc họ tiếp tục quan tâm đến chủ đề này.

Các NHTW vẫn coi tiền mã hóa (cryptocurrency) là sản phẩm ngách (niche product) và sự phát triển của đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định (stablecoin) đang được theo dõi chặt chẽ

Tiền mã hóa (cryptocurrency) là tài sản kỹ thuật số do tư nhân phát hành với đơn vị “tiền tệ” của riêng, chẳng hạn như Bitcoin và Ethereum. Nhiều loại tiền mã hóa đã trải qua một đợt tăng về giá trị vào năm 2020, đúng với hình thức là tài sản đầu cơ. Mức tăng này không phù hợp với bất kỳ thay đổi nào trong việc sử dụng vào hoạt động thanh toán. Thật vậy, hầu hết NHTW tiếp tục coi tiền mã hóa là sản phẩm ngách (niche product).

Cụ thể, khảo sát đã hỏi các NHTW về việc sử dụng tiền mã hóa để thanh toán trong nước và xuyên biên giới ở hiện tại và tương lai. Phần lớn phản hồi chỉ ra rằng (tiền mã hóa) sẽ được sử dụng bình thường hoặc sử dụng bởi các nhóm nhỏ (niche group) ở cả trong nước

và xuyên biên giới (phù hợp với kết quả khảo sát các năm trước) (Biểu đồ 8, bảng bên trái và ở giữa). Có một vài ngoại lệ: mô hình tiền mã hóa cố gắng duy trì niềm tin vào sự ổn định của giá trị của chúng thông qua việc sử dụng công nghệ (BIS (2018)) được coi là vẫn hứa hẹn trong những tình huống bất thường khi lòng tin vào các tổ chức công thấp, dẫn đến sử dụng rộng rãi hơn hoặc đáng kể (của tiền kỹ thuật số) cho các khoản thanh toán trong nước.

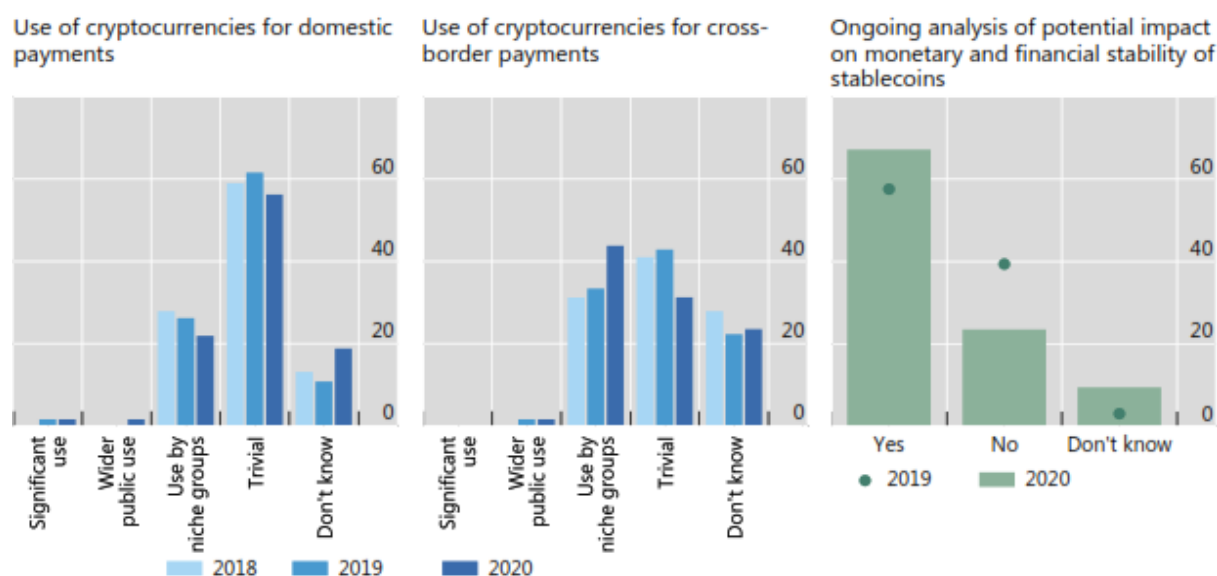
Trong khi đó, đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định (stablecoin) đang được phân tích bởi hầu hết các cơ quan quản lý tiền tệ. Theo kết quả khảo sát, 2/3 NHTW đang nghiên cứu tác động của stablecoin về sự ổn định tài chính và tiền tệ (Biểu đồ 8, bảng bên phải).

Đáng chú ý, so với một năm trước, nhiều NHTW EMDE đã bắt đầu điều tra các đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định, có thể phản ánh nhận thức ngày càng tăng về tác động xuyên biên giới của các đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định được chấp nhận rộng rãi. Các quốc gia EMDE nhỏ với nghiên cứu tích cực về CBDC thì hầu hết đều không chủ động đánh giá về đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định (stablecoin).

Bất chấp sự chú ý rộng rãi đến đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định, những lo ngại về sự xuất hiện của chúng như một phương thức thanh toán thay thế không phải là động lực phổ biến cho hoạt động CBDC - chỉ một số NHTW coi điều này là (một trong những) sự cần thiết để phát hành CBDC. Tuy nhiên, chủ đề về đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định đã thu hút sự chú ý đáng kể từ các cơ quan công quyền và những nhà thiết lập tiêu chuẩn, dưới sự chứng kiến của FSB và những tổ chức khác (FSB (2020b)).

Tiền kỹ thuật số tư nhân

Biểu đồ 8: Chia sẻ của người trả lời



Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

Kết luận

Năm 2020 chứng kiến sự ra mắt chính thức của CBDC bán lẻ và có khả năng nhiều sự kiện tương tự trong những năm tới. Hầu hết các NHTW đang nghiên cứu khả năng phát hành CBDC theo một cách nào đó và cuộc khảo sát cho thấy một sự chuyển dịch liên tục từ nghiên cứu khái niệm đến các dự án thử nghiệm và thí điểm. Tuy nhiên, bất chấp những tiến triển nói trên, việc triển khai rộng rãi các CBDC dường như vẫn còn chưa rõ ràng.

Sự quan tâm đối với CBDC là ở phạm vi toàn cầu, nhưng động lực để phát hành lại phụ thuộc vào hoàn cảnh mỗi nước. Tài chính toàn diện vẫn là động lực chính tại các EMDE và ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển CBDC. Trong AE, nhu cầu về phát hành CBDC thường thấp hơn và các lĩnh vực quan tâm chính liên quan đến hiệu quả và sự an toàn của hoạt động thanh toán. Các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo khả năng tiếp cận của công chúng đối với tiền của NHTW - liên quan đến sự suy giảm dần của tiền mặt trong các giao dịch - là một chủ đề định kỳ.

Việc phối hợp chính sách trên phạm vi quốc tế về CBDC đã được thiết lập để tăng cường hoạt động này trong những năm tới khi các NHTW xem xét kỹ lưỡng các tác động xuyên biên giới và kinh tế của việc phát hành tiền kỹ thuật số và các lựa chọn thiết kế mang tính kỹ thuật và những phức tạp trong hoạt động trước những thách thức hiện tại.

Khi nói đến tiền kỹ thuật số, các NHTW tiếp tục coi đây là sản phẩm ngách và không được sử dụng rộng rãi như một phương tiện thanh toán. Ngược lại, sự phát triển trong các đồng tiền kỹ thuật số có giá trị ổn định được theo dõi chặt chẽ do có tiềm năng được người tiêu dùng chấp nhận nhanh chóng.

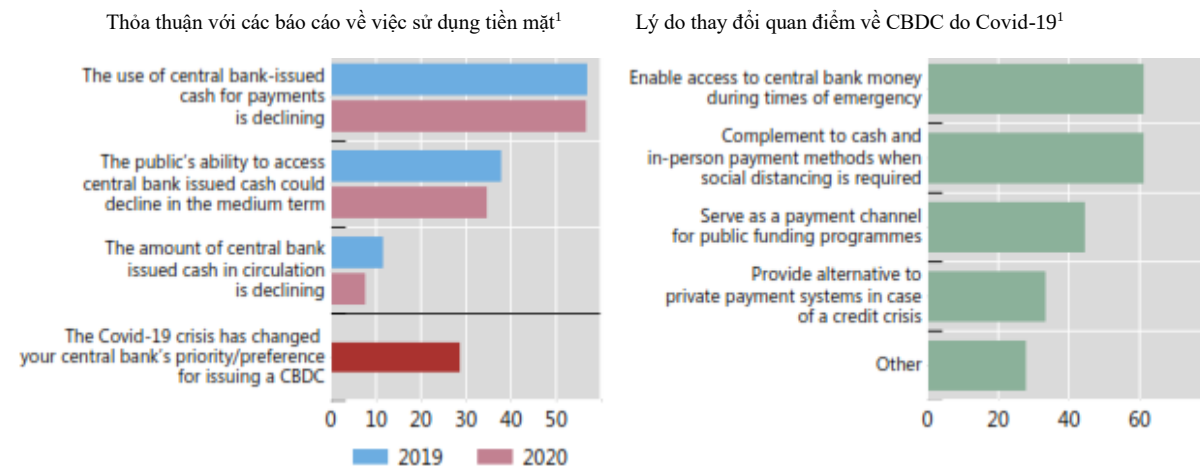
Hộp A

Covid-19 tăng tốc số hóa hoạt động thanh toán và tạo thêm động lực mới cho CBDC

Khảo sát chỉ ra rằng về tổng thể, các NHTW cố gắng đạt được sự cân bằng giữa tính khẩn cấp và thận trọng - nghiêng nhiều hơn về mặt thận trọng. Khoảng 60% các NHTW cho biết rằng cuộc khủng hoảng đã không thay đổi sự ưu tiên cho việc phát hành CBDC (Biểu đồ A, bảng bên trái). Đối với những NHTW đã thay đổi lập trường về CBDC do Covid-19, lý do chính là mục tiêu cho phép tiếp cận tiền của NHTW trong thời gian khẩn cấp và việc sử dụng CBDC như một sự bổ sung tiềm năng cho các phương thức thanh toán tiền mặt của và thanh toán trực tiếp khi dân cách xã hội là bắt buộc (Biểu đồ A, bảng bên phải). Khái niệm sử dụng CBDC như một phương tiện để Chính phủ chi trả cho người dân, đặc biệt là hỗ trợ tài chính trực tiếp hoặc kích thích cho các hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ, cũng được chia sẻ rộng rãi - như đã được lưu ý trong các bài bình luận chính sách ①.

Covid-19 và CBDC

Biểu đồ A Chia sẻ của người trả lời



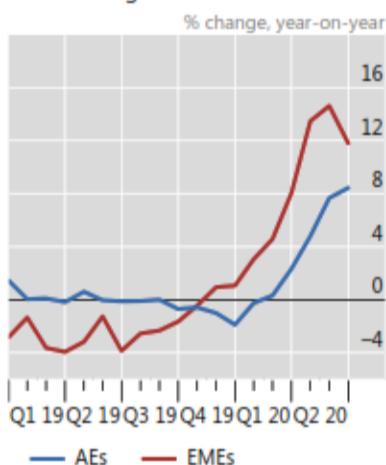
¹Mẫu bao gồm các quốc gia đã trả lời cả hai cuộc khảo sát năm 2019 và 2020. Đối với báo cáo cuối cùng "Số lượng NHTW phát hành tiền mặt lưu thông đang giảm", mẫu bao gồm tất cả các quốc gia trả lời vào năm 2020.

Nguồn: Khảo sát của BIS đối với các NHTW về CBDC.

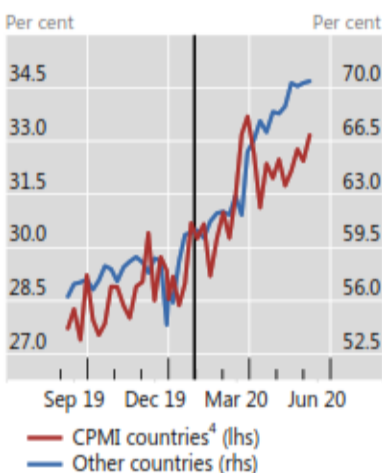
Một số NHTW chỉ ra sự tiến triển của hoạt động thanh toán bằng tiền mặt như một động lực bổ sung để điều chỉnh sự ưu tiên của họ đối với việc phát hành CBDC. Tuy nhiên, sự sụt giảm của tiền mặt không đồng nhất giữa các khu vực pháp lý và các trường hợp sử dụng. Kết quả khảo sát năm nay cho thấy ở hầu hết các khu vực pháp lý, số lượng tiền mặt do NHTW phát hành trong lưu thông không giảm (Đồ thị A, bảng bên trái). Đồng thời, nhiều khu vực pháp lý báo cáo rằng tiền mặt được sử dụng để thanh toán đang giảm. Một mặt, những xu hướng này phản ánh nhu cầu giữ tiền mặt cho các mục đích phòng ngừa và cất trữ giá trị (Auer và cộng sự (2020b)) (Biểu đồ B, bảng bên trái). Mặt khác, xu hướng này là dấu hiệu của những thay đổi quan trọng trong thanh toán bán lẻ trong thời kỳ đại dịch (BIS (2020)) (Biểu đồ B, bảng trung tâm). Cần lưu ý rằng cả hai quan sát đang làm nổi bật các xu hướng hiện có, khi người tiêu dùng ngày càng chuyển từ các phương tiện thanh toán vật lý sang kỹ thuật số (Boar và Szemere (2020)) (Biểu đồ B, bảng bên phải).

Biểu đồ B Các khoản thanh toán trong đại dịch

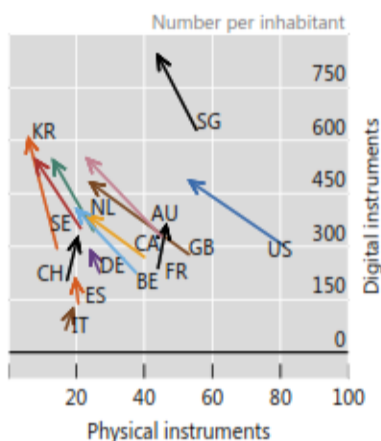
There is evidence of precautionary cash holding^{1,2}



Greater use of contactless cards³



Payments are shifting to digital^{5,6}



¹ Dữ liệu được tính theo GDP.

² “AE” biểu thị mức trung bình đơn giản của các nền kinh tế tiên tiến sau: AU, CA, CH, EA, GB, JP, SE và US. “EME” biểu thị mức trung bình đơn giản của các nền kinh tế thị trường mới nổi sau: AR, BR, CN, HK, ID, IN, KR, MX, RU, SA, SG, TR và ZA.

³ “Tỷ lệ không tiếp xúc trong các giao dịch bằng thẻ của mạng lưới thẻ toàn cầu. Ở nhiều nước, giới hạn giao dịch đối với thanh toán không tiếp xúc đã được tăng vào quý 2 năm 2020.

⁴ Không bao gồm MX và TR có sẵn dữ liệu.

⁵ Quốc gia CPMI được chọn. Đầu (cuối) của một mũi tên đại diện cho năm 2012 (2019). Các công cụ được số hóa bao gồm chuyển khoản tín dụng, ghi nợ trực tiếp, thanh toán bằng thẻ và tiền điện tử cũng như các công cụ không dùng tiền mặt khác. Các công cụ vật lý bao gồm các phương tiện thanh toán bằng giấy (séc) và tiền mặt rút tại các máy ATM (được sử dụng như một phương tiện thanh toán bằng tiền mặt). Dữ liệu không có sẵn cho HK và JP.

⁶ Đối với CA, dữ liệu mới nhất về việc rút tiền mặt tại các máy ATM là của năm 2017. Đối với ES, phần đầu của mũi tên thể hiện 2014. Đối với CH và GB, các công cụ vật lý bao gồm séc và tổng số tiền mặt được rút.

Nguồn: Auer và cộng sự (2020c); BIS (2020); Boar và Szemere (2020).

① Xem thêm Auer và cộng sự (2020c): “Trong tương lai, CBDC sử dụng cho mục đích chung được sử dụng rộng rãi có thể cho phép thanh toán G2P toàn cầu”.

[Trở lại đầu trang](#)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 01 – 2020

1. Đề tài: Nghiên cứu, xây dựng nội dung, phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng.

Chủ nhiệm: ThS. Võ Thị Thu Hương, Trưởng phòng, Cục II, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN

Mã số: ĐTNH-CS.001/19

Thời gian nghiệm thu: 01/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Lý luận về công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng.
- Thực trạng công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng.
- Xây dựng nội dung, phương pháp thanh tra.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động thanh tra đối với dịch vụ thẻ, đánh giá về công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ, từ đó đưa ra kiến nghị về xây dựng nội dung, phương pháp thanh tra đối với dịch vụ thẻ để tăng cường quản trị ngân hàng cũng như nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Cơ quan TTGSNH đối với lĩnh vực thanh toán này, đề tài ĐTNH-CS.001/19 triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng, gồm: Tổng quan về hoạt động thẻ ngân hàng; Tổng quan công tác quản lý đối với hoạt động thẻ ngân hàng; Kinh nghiệm quốc tế về quản lý hoạt động thẻ ngân hàng và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Từ nghiên cứu tại chương 1, nhóm nghiên cứu rút ra kết luận một số nội dung cơ bản về quản lý hoạt động thẻ ngân hàng như sau:

- Cần xây dựng quy trình nội bộ chặt chẽ để tổ chức vận hành, quản lý hoạt động thẻ. Theo đó, các nhà hoạch định chính sách cần nắm rõ những rủi ro phát sinh trong quá trình từ khâu phát hành, sử dụng đến thanh toán thẻ để đề xuất một quy trình chặt chẽ từ khâu tiếp nhận hồ sơ thông tin, thẩm định khách hàng, phát hành thẻ, sử dụng thẻ đến thanh toán thẻ với phân biệt rõ quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, bảo mật theo trình độ tiên tiến trên thế giới đối với tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thanh toán, tổ chức trung gian thanh toán.

- Xây dựng trung tâm thông tin tín dụng liên tục cập nhật thông tin về khách hàng để đánh giá, xếp hạng khách hàng chính xác nhất. Để có được các thông tin này cần có sự chia sẻ từ nhiều cơ quan quản lý như NHNN Việt Nam, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các cấp...

- Tăng cường năng lực giám sát, kiểm tra tại chỗ hoạt động thẻ ngân hàng. Theo đó, cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng hệ thống các chỉ tiêu báo cáo thường xuyên và định kỳ để thu thập thông tin hoạt động thẻ của các ngân hàng.

- Cần thông tin tới khách hàng mạnh mẽ hơn, thường xuyên hơn để khách hàng nắm bắt được những rủi ro cần đề phòng và cẩn trọng trong sử dụng và thanh toán thẻ, hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc phòng ngừa các giao dịch lừa đảo....

Chương 2 nghiên cứu thực trạng công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng; phân tích các tồn tại, vi phạm đối với hoạt động thẻ qua kết quả thanh tra, kiểm tra; nhận diện các rủi ro trong hoạt động thẻ, các hạn chế trong công tác thanh tra hoạt động thẻ. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu rút ra kết luận: "Tất cả các chủ thể tham gia trong quá trình phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ đều sẽ có những vi phạm mang tính chủ quan và khách quan. Những vi phạm này đều dẫn tới những rủi ro nhất định cho các đối tượng. Trong đó, ngân hàng phát hành thẻ sẽ đối mặt với các rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngân hàng đó. Thực tế tại chính các ngân hàng cũng chưa xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ và thường xuyên đối với hoạt động phát hành và thanh toán thẻ. Và đối với cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng cũng cần xây dựng quy trình và phương pháp thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng. Theo định hướng của NHNN, thanh tra giám sát hiện đang chuyển dịch dần từ thanh tra tuân thủ sang thanh tra rủi ro. Hoạt động thẻ chính là một yếu tố rủi ro cần được chính các ngân hàng kiểm soát chặt chẽ và cơ quan quản lý nhà nước chú trọng vào thanh tra và giám sát".

Tại Chương 3, nhóm nghiên cứu tổng hợp các cơ sở pháp lý về công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng; phân tích mục tiêu, yêu cầu của công tác thanh tra đối với hoạt động thanh toán thẻ, trên cơ sở đó, đề xuất các nội dung thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng. Theo nhóm nghiên cứu, nội dung thanh tra sẽ tập trung vào các hoạt động thường phát sinh rủi ro, vi phạm trong quy trình phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ và theo từng đối tượng tham gia quy trình (bao gồm: tổ chức phát hành thẻ, chủ thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chấp nhận thẻ, tổ chức thẻ quốc tế, trung gian thanh toán). Theo quy định hiện hành, trong số các chủ thể tham gia này, đối tượng thanh tra của thanh tra, giám sát ngành ngân hàng chỉ bao gồm ngân hàng phát hành thẻ, ngân hàng thanh toán, trung gian thanh toán (là các tổ chức do NHNN cấp phép cung ứng hoạt động, dịch vụ này). Do đó nội dung thanh tra sẽ tập trung đánh giá các đối tượng nêu trên. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã đề xuất 07 nội dung thanh tra, gồm:

- Các nội dung thanh tra chung đối với tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chấp nhận thẻ, Tổ chức chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ;
- Nội dung thanh tra đối với tổ chức phát hành thẻ;
- Các nội dung thanh tra đối với , tổ chức thanh toán thẻ;
- Nội dung thanh tra đối với tổ chức chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ
- Thanh tra việc bảo đảm an ninh, an toàn cho máy giao dịch tự động ATM
- Thanh tra nghiệp vụ POS;
- Thanh tra về công nghệ thông tin (CNTT).

Về phương pháp thanh tra, nhóm nghiên cứu đề xuất 02 phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro và 06 nội dung thanh tra đối với thanh tra theo phương pháp tuân thủ. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng về cơ chế chính sách, về giải pháp đối với NHNN và giải pháp đối với các TCTD.

2. Đề tài: Xác định chu kỳ tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam.

Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Vũ Phương, Trưởng phòng, Vụ Ổn định Tiền tệ - Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số: ĐTNH-CS.003/19

Thời gian nghiệm thu: 01/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Nghiên cứu tổng quan về Chu kỳ tài chính;
- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các phương pháp xây dựng Chu kỳ tài chính phổ biến hiện nay và các bài học cho Việt Nam;
- Lựa chọn phương pháp xây dựng Chu kỳ tài chính cho Việt Nam với điều kiện số liệu hiện tại và đề xuất phát triển phương pháp xây dựng Chu kỳ tài chính cho Việt Nam trong tương lai.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu về chu kỳ tài chính, phương pháp luận để xây dựng chu kỳ tài chính, qua đó đề xuất xây dựng chu kỳ tài chính cho Việt Nam, đề tài ĐTNH-CS.003/19 đã triển khai các nội dung nghiên cứu sau:

Chương 1 nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận về xác định chu kỳ tài chính, gồm: ý nghĩa của chu kỳ tài chính; tổng quan về chu kỳ tài chính; kinh nghiệm xác định chu kỳ tài chính trên thế giới. Trong đó, nhóm nghiên cứu tập trung làm rõ kinh nghiệm quốc tế đối với việc áp dụng 03 phương pháp trong đo lường Chu kỳ tài chính, gồm: phương pháp phân tích bước ngoặt, phương pháp bộ lọc dựa trên tần suất và phương pháp phân tích dựa trên mô hình; phân tích rõ về ưu nhược điểm của các phương pháp và đối chiếu với khả năng áp dụng các phương pháp này tại Việt Nam.

Tại Chương 2, nhóm nghiên cứu ứng dụng mô hình định lượng trong xác định chu kỳ tài chính tại Việt Nam. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn phương pháp xác định chu kỳ tài chính theo mô hình không gian trạng thái của Amat Adarov (2017), dựa trên ưu điểm của phương pháp mô hình cũng mức độ sẵn có của số liệu. Về bộ số liệu sử dụng, nhóm nghiên cứu lựa chọn bộ chỉ số phản ánh tất cả các thị trường thành phần của khu vực tài chính nói chung gồm: (i) Thị trường tiền tệ, tín dụng; (ii) Thị trường tài sản; (iii) Thị trường trái phiếu; (iv) Thị trường cổ phiếu. Các số liệu được thu thập với tần suất quý, phân chia thành 3 loại: Giá (G), Lượng (L) và Rủi ro (R). Nhóm nghiên cứu thực hiện phân tích kết quả thực nghiệm trong xác định Chu kỳ tài chính tại Việt Nam và đánh giá tính phù hợp của Chu kỳ tài chính với thực trạng khu vực tài chính tại Việt Nam, trên cơ sở đó, rút ra các đặc điểm nổi bật của Chu kỳ tài chính của Việt Nam.

Căn cứ kết quả phân tích tại chương 2, nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất về việc sử dụng Chu kỳ tài chính trong điều hành chính sách của NHNN, cụ thể:

- Sử dụng Chu kỳ tài chính trong cảnh báo sớm và thiết lập bản đồ nhiệt trong cảnh báo sớm;
- Sử dụng Chu kỳ tài chính trong ban hành chính sách vĩ mô, gồm: Xác định các

chính sách trong giai đoạn bùng nổ Chu kỳ tài chính; Xác định, điều hành chính sách trong giai đoạn suy thoái; Áp dụng Chu kỳ tài chính trong điều chỉnh công cụ Bộ đệm vốn ngược chu kỳ.

3. Đề tài: Giải pháp cải thiện vai trò của Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam.

Chủ nhiệm: TS. Đỗ Thị Bích Hồng - Phó Trưởng phòng, Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số: ĐTNH-CS.006/19

Thời gian nghiệm thu: 01/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Hệ thống hóa lý luận cơ bản về Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) và Hiệp hội QTDND, trong đó tập trung làm rõ một số nội dung như: Khái niệm, đặc điểm, mô hình và cơ cấu tổ chức của QTD; Định nghĩa, vai trò, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động của Hiệp hội QTDND.

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về mô hình tổ chức, vai trò của Hiệp hội QTDND trong hỗ trợ phát triển, tăng cường tính liên kết hệ thống tại một số quốc gia, bài học cho Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của hệ thống QTDND nói chung và thực trạng hoạt động của Hiệp hội QTDND nói riêng, trong đó làm rõ một số nội dung: (i) Tính liên kết hệ thống, năng lực hoạt động, tính tuân thủ tôn chỉ mục đích của các hội viên; (ii) Đánh giá việc thực hiện vai trò, nhiệm vụ của Hiệp hội QTDND.

- Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị cùng lộ trình triển khai góp phần cải thiện vai trò của Hiệp hội QTDND, thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Đề án củng cố và phát triển QTDND đến 2020 và định hướng đến 2030.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu đề xuất xây dựng hệ thống giải pháp và lộ trình triển khai để nâng cao hơn nữa vai trò của Hiệp hội QTDND Việt Nam trong việc làm cầu nối giữa hội viên với các cơ quan quản lý nhà nước; kết nối giữa các hội viên, hỗ trợ tư vấn, đào tạo và quảng bá hình ảnh cho các hội viên; góp phần thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Đề án củng cố và phát triển QTDND đến 2020 và định hướng đến 2030, đề tài ĐTNH-CS.006/19 đã triển khai các nội dung nghiên cứu sau:

Chương 1 nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về QTDND và Hiệp hội QTDND; kinh nghiệm hoạt động của Hiệp hội QTDND tại một số quốc gia trên thế giới và vai trò của Hiệp hội QTDND trong việc làm cầu nối giữa hội viên với các cơ quan quản lý nhà nước; kết nối giữa các hội viên, hỗ trợ tư vấn, đào tạo và quảng bá hình ảnh cho các hội viên. Thông qua nghiên cứu vai trò của Hiệp hội QTDND tại 4 nước trên thế giới gồm Ai-len, Philippine, Hàn Quốc và Canada, Đề tài đã rút ra được những nhận định, đánh giá đối với vai trò của Hiệp hội qua từng trường hợp cụ thể và rút ra một số bài học có ý nghĩa đối với Việt Nam như: (i) Nêu cao tính tự chủ, tự chịu

trách nhiệm và phát huy tinh thần đoàn kết tương trợ giữa các đơn vị trong Hiệp hội/Liên đoàn; (ii) Công tác đào tạo nguồn nhân lực đóng vai trò hết sức quan trọng dẫn đến thành công của các Hiệp hội/Liên đoàn; (iii) Sự phối hợp chặt chẽ giữa Hiệp hội/Liên đoàn với các QTDND thành viên cần được chú trọng; (iv) Bên cạnh hỗ trợ QTDND về chính sách, pháp lý, Hiệp hội cũng có thể xây dựng trở thành đại diện chính thức cho các QTDND, trở thành cơ quan đại diện cho các vấn đề liên quan đến QTDND trước nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước.

Chương 2 của đề tài nghiên cứu về thực trạng hoạt động của Hiệp hội QTDND Việt Nam thông qua việc đánh giá quá trình hình thành và phát triển hệ thống QTDND trong giai đoạn vừa qua. Kết quả nghiên cứu cho thấy về cơ bản hoạt động của hệ thống QTDND lành mạnh, hiệu quả, khẳng định được vị thế mô hình kinh tế HTX kiểu mới. Tuy nhiên, tại một số tỉnh, thành phố vẫn còn tồn tại các QTDND hoạt động chưa hiệu quả, yếu kém, thậm chí vi phạm pháp luật. Thực trạng quá trình phát triển hệ thống QTDND cũng cho thấy vai trò quan trọng của Hiệp hội QTDND trong việc thực hiện nhiệm vụ cầu nối giữa hội viên với các cơ quan quản lý nhà nước; kết nối giữa các hội viên, hỗ trợ tư vấn, đào tạo và quảng bá hình ảnh cho các hội viên. Hiệp hội đã phát huy được nhiều điểm tích cực trong việc hoàn thành vai trò của mình. Bên cạnh đó, do một số bất cập trong mô hình tổ chức, nhân lực... Hiệp hội vẫn còn một số hạn chế như sau: (i) Hạn chế trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, mới tập trung chủ yếu vào việc kiến nghị cơ quan quản lý Nhà nước sửa đổi vướng mắc trong cơ chế chính sách; (ii) Hạn chế trong hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của các QTDND, chưa thực hiện được công tác tư vấn cho hoạt động của các hội viên; (iii) Hạn chế trong việc thực hiện tính liên kết hệ thống; (iv) Hạn chế trong triển khai tin học hóa hoạt động của các QTDND; (v) Hạn chế trong vai trò là kênh thông tin hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước có những quyết sách phù hợp với thực tế. Kết quả nghiên cứu chương 2 cơ sở để đề xuất các giải pháp cải thiện và nâng cao vai trò của Hiệp hội QTDND.

Chương 3 tập trung nghiên cứu mục tiêu, định hướng và giải pháp nâng cao vai trò của Hiệp hội QTDND nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Đề án củng cố và phát triển QTDND đến 2020 và định hướng đến 2030. Trên cơ sở mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và thực trạng hoạt động của hệ thống QTDND và Hiệp hội QTDND, nhóm nghiên cứu đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Hiệp hội QTDND như sau: (1) Nhóm giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ Hiệp hội; (2) Nhóm giải pháp nâng cao vai trò của Hiệp hội; (3) Nhóm giải pháp nâng cao vai trò của Hiệp hội với cơ quan quản lý Nhà nước; và (4) Nhóm giải pháp thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và hệ thống thông tin quản lý cho các QTDND; qua đó, đưa ra những kiến nghị cụ thể, có tính thực tiễn, nhằm góp phần cải thiện và nâng cao vai trò của Hiệp hội trong việc thực hiện nhiệm vụ cầu nối giữa hội viên với các cơ quan quản lý nhà nước; kết nối giữa các hội viên, hỗ trợ tư vấn, đào tạo và quảng bá hình ảnh cho các hội viên, thúc đẩy hoạt động của hệ thống Quỹ TDND hiệu quả hơn.

4. Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Văn Anh - Giám đốc, Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số: DANH-CS.003/19

Thời gian nghiệm thu: 01/2020

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Tổng quan về sự cần thiết nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký giấy tờ có giá;
- Thực trạng công tác quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Giải pháp ứng dụng công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu hiện trạng và khả năng ứng dụng CNTT vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN để hạn chế các rủi ro do khâu tác nghiệp trung gian có thể mắc phải trong giao dịch lưu ký giấy tờ có giá (GTCG) giữa NHNN và thành viên thị trường, trên cơ sở đó đề xuất phát triển một chương trình phần mềm kỹ thuật phù hợp cho phép triển khai sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động lưu ký GTCG tại NHNN, Dự án DANH-CS.003/19 đã triển khai các nội dung cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu tổng quan về sự cần thiết nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký GTCG, gồm: Tổng quan về hoạt động lưu ký giấy tờ có giá; Sự cần thiết nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký giấy tờ có giá; Xu hướng và thực tiễn ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động liên quan đến giấy tờ có giá. Theo nhóm nghiên cứu, trong những năm gần đây, khi các ứng dụng thuộc dự án hiện đại hóa CNTT ngân hàng (FSMIMS) chính thức đi vào hoạt động thì hạ tầng CNTT tại SGD NHNN dần được đồng bộ, là nền tảng đảm bảo cho các nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương tại SGD NHNN được vận hành an toàn, hiệu quả, bảo mật cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đến nay, hầu hết các nghiệp vụ tại SGD NHNN được thực hiện tự động, dữ liệu được đồng bộ. Tuy nhiên, nghiệp vụ lưu ký GTCG hiện vẫn chưa được tự động hóa hoàn toàn. Việc xây dựng hạ tầng CNTT vào nghiệp vụ lưu ký GTCG nhằm tin học hóa toàn bộ quy trình lưu ký GTCG là tất yếu, đáp ứng được nhu cầu khai thác thông tin, cho phép các giao dịch diễn ra thuận tiện nhanh chóng, an toàn và thuận lợi, giúp các thành viên có được những trải nghiệm vượt trội so với giao dịch truyền thống đòi hỏi nhiều thủ tục giấy tờ và đích thân khách hàng phải đến để giao dịch trực tiếp. Chương 1 cũng thực hiện khảo sát thực tiễn ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký giấy tờ có giá của một số quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc; thực tiễn ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký giấy tờ có giá tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và thực tiễn ứng dụng công nghệ vào hoạt động thanh toán trái phiếu chính phủ tại Việt Nam làm căn cứ cho các đề xuất phát triển chương trình phần mềm kỹ thuật sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động lưu ký GTCG tại NHNN.

Chương 2 dự án phân tích thực trạng công tác quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiệp vụ lưu ký GTCG tại NHNN, gồm: hệ thống pháp lý quy định

về lưu ký GTCG; hiện trạng quản lý nghiệp vụ lưu ký GTCG tại NHNN; thực trạng về hệ thống phần mềm hiện có, qua đó, nhóm nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý nghiệp vụ lưu ký GTCG tại NHNN, nhu cầu của thành viên và khả năng ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký GTCG tại NHNN.

Tại Chương 3, nhóm nghiên cứu đưa ra đề xuất về định hướng quản lý nghiệp vụ lưu ký GTCG của NHNN và giải pháp tổng thể ứng dụng công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đề xuất sửa đổi về cơ sở pháp lý, về bổ sung nội dung thỏa thuận giữa Sở Giao dịch NHNN và TTLKCK theo hướng cho phép hai bên sử dụng chứng từ “Yêu cầu chuyển khoản/chuyển quyền sở hữu GTCG” bản điện tử có tích hợp chữ ký số thay thế hoàn toàn cho việc gửi bản giấy kèm theo; Đề xuất quy trình nghiệp vụ ứng dụng công nghệ vào hoạt động lưu ký GTCG tại NHNN; Đề xuất về nâng cấp hệ thống đấu thầu thị trường mở AOM của NHNN; Đề xuất quy trình nghiệp vụ, từ khâu nhận đề nghị lưu ký GTCG từ TCTD/từ VSD, quy trình luân chuyển chứng từ; Đề xuất về giải pháp hạn chế/kiểm soát rủi ro khi ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký GTCG tại NHNN.

Kết quả nghiên cứu của Dự án được đánh giá là tiền đề lý luận khoa học quan trọng để các đơn vị liên quan tham khảo trong công tác tham mưu Thống đốc NHNN hoàn thiện hành lang pháp lý cho các giao dịch điện tử trong ngành ngân hàng nói chung và giao dịch nghiệp vụ lưu ký GTCG tại NHNN nói riêng, là tài liệu quan trọng giúp Sở Giao dịch NHNN phối hợp với Cục CNTT triển khai thành công các giải pháp công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký GTCG tại NHNN.

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 01 - 2021**1. Ngân hàng Hợp tác xã: Phát huy vai trò trụ đỡ phát triển cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.*****Thời gian tổ chức: 26/01/2021******Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam******Nội dung hội thảo:***

Ngày 26/1/2021, tại trụ sở chính của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-opBank) đã diễn ra Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021. Phó Thống đốc thường trực Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Đào Minh Tú tham dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Hội nghị có sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo một số đơn vị thuộc NHNN, các đồng chí trong Ban Tổng Giám đốc, đại diện các chi nhánh Co-opBank và các Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND).

Theo báo cáo tại hội nghị, năm 2020, bám sát sự chỉ đạo của NHNN, Co-opBank đã có nhiều nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt vai trò đầu mối liên kết hệ thống, góp phần hỗ trợ hệ thống QTDND phát triển an toàn. Co-opBank đã luôn chủ động điều hành, điều chỉnh kịp thời các mức lãi suất theo chỉ đạo của NHNN và diễn biến thị trường; tập trung hỗ trợ hoạt động của các QTDND, tiếp tục mở rộng tín dụng theo định hướng an toàn; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ mới;... sử dụng hiệu quả đồng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản cho hệ thống.

Đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn hoạt động của Co-opBank là 43.656 tỷ đồng, tăng 22,40% so với 31/12/2019; Tổng dư nợ cho vay đạt 22.595 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay các QTDND là 3.640 tỷ đồng; dư nợ cho vay doanh nghiệp và cá nhân là 18.956 tỷ đồng. Hầu hết các chi nhánh đều nỗ lực cố gắng khắc phục khó khăn thực hiện kế hoạch được giao, trong đó có 27/32 chi nhánh đạt và vượt kế hoạch.

Co-opBank cũng đã thực hiện tốt nhiệm vụ góp phần giúp các QTDND tiếp tục hoạt động ổn định và phát triển; hỗ trợ vốn kịp thời cho các QTDND để đẩy mạnh cho vay thành viên; linh hoạt điều chỉnh mức cho vay với các QTDND hoạt động an toàn, hiệu quả, có nhu cầu bổ sung nguồn vốn nhằm mở rộng quy mô hoạt động. Hầu hết các QTDND đều đã chấp hành đầy đủ các quy định của NHNN, đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, phục vụ nhu cầu của thành viên; phát huy vai trò là một kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng ở khu vực nông thôn, đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế địa phương.

Trong năm 2020, Co-opBank cũng tích cực triển khai nhiều dự án tín dụng quốc tế nhằm hỗ trợ hoạt động của hệ thống QTDND, như các dự án của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JICA). Đặc biệt, đây là năm thứ 4 Co-opBank phối hợp với Cơ quan phát triển Quốc tế Desjardins (DID) triển khai Dự án “Đẩy mạnh hệ

thông QTDND” (STEP), trong đó tập trung nghiên cứu đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới, giúp nâng cao năng lực của hệ thống QTDND, tạo nền tảng cho các cầu phân tiếp theo.

Bên cạnh đó, Co-opBank đã tổ chức 03 khóa đào tạo nghiệp vụ ngân hàng điện tử CF-eBank cho 58 QTDND với tổng số 144 học viên, kết nạp 19 QTDND vào mạng lưới thanh toán chuyển tiền điện tử. Hiện nay, Co-opBank có mạng lưới giao dịch tại 636 điểm, bao gồm 32 Chi nhánh, 66 Phòng giao dịch và 538 QTDND tham gia liên kết thanh toán.

Định hướng mục tiêu của năm 2021, Co-opBank tiếp tục thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm trong liên kết hệ thống QTDND, hỗ trợ hoạt động, điều hòa vốn, kiểm tra, giám sát an toàn hệ thống QTDND; Tiếp tục tổng kết, đánh giá kết quả phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020 và xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, trong đó tập trung triển khai chương trình kiểm tra, rà soát chất lượng tín dụng tại các chi nhánh, không chế tỷ lệ nợ xấu dưới 2,0% tổng dư nợ; Thực hiện mở rộng tín dụng có hiệu quả, tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và NHNN, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Cùng với đó, ngân hàng sẽ tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện các quy chế quản lý, điều hành, văn bản nghiệp vụ theo quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn; Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá hình ảnh thương hiệu, vai trò và hoạt động của Co-opBank và hệ thống QTDND; Đổi mới công tác cán bộ, quy hoạch, điều động luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động trong giai đoạn mới...

Thay mặt Ban Lãnh đạo NHNN, Phó Thống đốc thường trực Đào Minh Tú ghi nhận và đánh giá cao kết quả Co-opBank đã đạt được trong năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020. Phó Thống đốc đề nghị Co-opBank phát huy những kết quả, quán triệt sâu sắc các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2021 và Chỉ thị 01/CT-NHNN nỗ lực khắc phục những tồn tại, hạn chế, tranh thủ thời cơ, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tiếp tục đóng góp tích cực vào kết quả chung của Ngành. Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: Khẩn trương xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2021; Tập trung rà soát, đánh giá việc thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 của Co-opBank, trên cơ sở đó nghiên cứu đưa ra các định hướng, mục tiêu, giải pháp cơ cấu lại giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng cần tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; đổi mới hoạt động, tập trung nâng cao quy mô và năng lực tài chính; tăng cường vai trò quản lý đối với hệ thống các QTDND; đẩy mạnh phối hợp với Hiệp hội QTDND và NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trong

việc đào tạo cán bộ QTDND,...

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn khi triển khai eKYC.

Thời gian tổ chức: 30/01/2021

Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Phát triển châu Á ADB và Cơ quan Phát triển quốc tế Úc (Australia Aid)

Nội dung hội thảo:

Hội thảo do NHNN phối hợp với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Cơ quan Phát triển quốc tế Úc (Australia Aid) tổ chức nhằm hỗ trợ triển khai hiệu quả Thông tư số 16/2020/TT-NHNN (Thông tư 16) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN (Thông tư 23) hướng dẫn mở tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trong đó bổ sung quy định, hướng dẫn về mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử đạt hiệu quả cao, đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.

Phát biểu khai mạc, Phó Thống đốc Nguyễn Kim Anh nhấn mạnh, với bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), ngành ngân hàng đứng trước những cơ hội và thách thức lớn, đòi hỏi sự chuyển đổi theo hướng số hóa tự động, cung ứng sản phẩm, dịch vụ sáng tạo, lấy khách hàng làm trọng tâm, giúp các ngân hàng phát triển bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh. Trong quá trình chuyển đổi số ngân hàng, việc thực hiện eKYC trong thiết lập mối quan hệ lần đầu với khách hàng được coi “cửa ngõ” để phát triển các mô hình ngân hàng số. Đặc biệt, việc nhận biết và xác minh thông tin khách hàng trong mở tài khoản thanh toán đóng vai trò quan trọng, giúp khách hàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng, cho phép các ngân hàng có thể mở rộng khách hàng và cung ứng dịch vụ ngân hàng an toàn, thuận tiện, hiệu quả.

Trong thời gian qua, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, chủ trương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Triển khai chủ trương, định hướng trên, NHNN đang đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và khuôn khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, tạo thuận lợi cho các ngân hàng trong quá trình chuyển đổi số, phát triển hoạt động ngân hàng số. Trong đó, để tạo điều kiện cho các ngân hàng triển khai eKYC, NHNN đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2019/NĐ-CP sửa đổi quy định về tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP, theo đó cho phép ngân hàng được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng khi lần đầu thiết lập mối quan hệ. Căn cứ nguyên tắc, định hướng trên, NHNN đã nghiên cứu, xây dựng, tham vấn các tổ chức tín dụng và đã ban hành Thông tư số 16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23 về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng

dịch vụ thanh toán, trong đó bổ sung quy định, hướng dẫn về mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử.

“Quy định về mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử tại Thông tư 16 được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống rửa tiền, phù hợp với xu thế ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng trên thế giới và ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của các tổ chức tín dụng trong quá trình chuyển đổi số, tăng khả năng tiếp cận khách hàng mới thuận tiện hơn với chi phí thấp hơn, góp phần thực hiện mục tiêu tài chính toàn diện quốc gia”, Phó Thống đốc cho biết thêm mục tiêu, ý nghĩa của Thông tư 16.

Là đơn vị đầu mối soạn thảo Thông tư 16, ông Lê Anh Dũng - Phó Vụ trưởng Vụ Thanh toán (NHNN) đã thông tin cụ thể một số quy định mới về Thông tư và cách thức triển khai quy định về mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử để các ngân hàng thực hiện đạt hiệu quả cao, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật. Cụ thể, Thông tư 16 sửa đổi điều 12 về hồ sơ mở tài khoản quy định trường hợp hồ sơ mở tài khoản thanh toán là bản sao điện tử; cho phép ngân hàng được thỏa thuận với khách hàng về việc dịch hay không dịch hồ sơ bằng tiếng Anh... Quy định mới quan trọng nữa tại Điều 13 về Giấy đề nghị mở tài khoản không yêu cầu đăng ký mẫu chữ ký của khách hàng trong Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán mà yêu cầu trong quá trình khách hàng sử dụng... Việc chỉnh sửa bổ sung trên để tương thích quy định mở tài khoản thanh toán cá nhân bằng phương thức điện tử. Ngoài các quy định trên, NHNN đưa ra một số yêu cầu quan trọng để đảm bảo việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử được an toàn, hiệu quả.

Các ngân hàng vẫn phải đáp ứng một số yêu cầu tối thiểu phải có giải pháp công nghệ kiểm tra đối chiếu về thông tin nhận biết khách hàng, dữ liệu sinh trắc học với thông tin; có quy trình quản lý kiểm soát, đánh giá rủi ro... Trong quá trình triển khai các ngân hàng phải tăng cường nhân sự và các biện pháp rà soát, kiểm tra, đối chiếu, đánh giá giải pháp công nghệ eKYC, đảm bảo chất lượng đường truyền...

Tại Hội thảo, các đại diện đến từ các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trình bày các vấn đề về việc ứng dụng các giải pháp công nghệ trong định danh khách hàng điện tử; các biện pháp, giải pháp công nghệ để kiểm soát rủi ro trong mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử; thực tiễn triển khai thí điểm tại ngân hàng thương mại. Sau phần chia sẻ, đại diện của NHNN và ngân hàng thương mại đã thảo luận, trao đổi, chia sẻ, làm rõ thêm về cách thức triển khai quy định eKYC trong mở tài khoản thanh toán để đảm bảo an ninh, an toàn, hiệu quả cũng như đưa ra những vướng mắc, thách thức có thể gặp phải,... từ đó, đưa ra các khuyến nghị chính sách phù hợp.

Với sự nỗ lực, quyết tâm và đồng lòng giữa các cơ quan quản lý, ngân hàng và các đơn vị liên quan, các diễn giả tham gia Hội thảo hy vọng việc triển khai thực hiện Thông tư 16 sẽ thành công, tạo bước tiến ấn tượng, tiếp nối cho việc thể hiện những

chính sách thúc đẩy thanh toán chuyển đổi số ngành Ngân hàng tại Việt Nam đã thực sự đi vào cuộc sống.

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 01 - 2021**1. Dữ Liệu Lớn Cho Doanh Nghiệp Nhỏ For Dummies.**

Nguồn: Nxb Công Thương

Tác giả: Bernard Marr

Dịch giả: Chi Nhân

Giới thiệu ấn phẩm:

Ngày nay, gần như tất cả mọi việc chúng ta làm đều để lại dấu vết trong không gian số. Nếu mua cuốn sách này trên mạng, bạn đã để lại sau lưng một vết chân số, từ lúc truy cập vào website của nhà bán lẻ trực tuyến cho tới khi thực hiện giao dịch. Ngay cả khi bạn đích thân tới cửa hàng vật lý để mua sách và thanh toán bằng tiền mặt, thì vẫn có khả năng hình thành một vết chân số từ các hoạt động của bạn, bao gồm các thước phim CCTV (truyền hình mạch kín, hay camera quan sát) và dữ liệu về vị trí từ điện thoại di động của bạn.

Có thể tóm tắt về những dấu vết số này trong một cụm từ ngắn gọn: dữ liệu lớn. Dữ liệu lớn chỉ khả năng thu thập và phân tích những khối lượng dữ liệu khổng lồ mà thế giới đang tạo ra ngày nay. Khả năng kiểm soát và triển khai những khối lượng dữ liệu ngày càng phình to này đã và đang biến đổi hoàn toàn khả năng của chúng ta trong việc tìm hiểu về thế giới – từ dịch vụ chăm sóc y tế và khoa học cho đến cách thức quản lý các thành phố và quốc gia. Và dĩ nhiên, nó cũng biến đổi cách thức chúng ta kinh doanh nữa.

Dữ liệu là một nguồn lực rất quan trọng trong kinh doanh hiện nay. Nó được tạo ra tại mọi thời điểm, trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, cũng như ở mọi điểm tiếp xúc của doanh nghiệp với khách hàng và các bên liên quan. Khối dữ liệu này ngày càng phức tạp đến mức được gọi là “dữ liệu lớn”. Đây là con át chủ bài của những tập đoàn lớn nhằm giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nhỏ lại chưa thể làm chủ nguồn lực này và áp dụng nó vào hoạt động kinh doanh. Cuốn sách Dữ liệu lớn cho doanh nghiệp nhỏ for dummies là một bản hướng dẫn vô cùng đầy đủ giúp các nhà lãnh đạo, quản lý hiểu được khái niệm dữ liệu lớn và cách áp dụng công cụ này nhằm mang đến thành công cho doanh nghiệp nhỏ của mình.

Trích dẫn hay

Xây dựng góc nhìn 3600 về khách hàng

Đây là một trong những ứng dụng quan trọng nhất và được quảng bá nhiều nhất của dữ liệu lớn hiện nay. Các doanh nghiệp sử dụng dữ liệu lớn để tìm hiểu rõ hơn về khách hàng và các hành vi cũng như sở thích của họ. Doanh nghiệp có thể xây dựng được sự hiểu biết đầy đủ về khách hàng – đầu là động lực của họ, vì sao họ mua, họ thích mua hàng theo cách nào, vì sao họ chuyển sang thương hiệu khác, họ sẽ mua gì tiếp theo, và điều gì khiến họ giới thiệu một thương hiệu cho những người khác. Các doanh nghiệp cũng có thể tương tác tốt hơn và gần gũi hơn với khách hàng bằng cách

phân tích thông tin phản hồi của họ để cải thiện chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ.

Để có được bức tranh hoàn chỉnh hơn về khách hàng, có thể bạn sẽ phải kết hợp giữa dữ liệu nội bộ truyền thống với dữ liệu trên mạng xã hội, dữ liệu lưu trữ trên các trình duyệt web, những phân tích về văn bản, và dữ liệu cảm biến (tôi sẽ bàn kỹ hơn về những loại dữ liệu khác nhau ở các chương 4 và 5). Các doanh nghiệp nhỏ cũng có thể tận dụng những tập dữ liệu lớn được cung cấp công khai để rút ra những phát hiện sâu sắc hơn về khách hàng của mình.

Hiện nay ở hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề đều xuất hiện những công ty thu thập dữ liệu hoặc trung tâm thông tin chuyên cung cấp dịch vụ dữ liệu cho các doanh nghiệp nhỏ. Một ví dụ là Factual.com, công ty cung cấp dữ liệu về địa điểm nhằm giúp các doanh nghiệp phục vụ khách hàng của họ tốt hơn thông qua những trải nghiệm và gợi ý ở cấp độ cá nhân hóa cao hơn. Ngoài ra còn có những dịch vụ và công cụ khác giúp các doanh nghiệp có thể dễ dàng thực hiện những phép thử để xác định xem kết quả thu về có xứng đáng với những gì họ phải đầu tư không. Chẳng hạn, Silverpop (đã được IBM mua lại), Adestra và Marketo đều là những công ty chuyên cung cấp các giải pháp marketing tự động dựa trên dữ liệu – có thể là dữ liệu của chính doanh nghiệp, dữ liệu mua trên thị trường, hay lấy từ các thông tin công khai.

Các cửa hàng bán đồ ăn đã nhanh chóng tề tựu trên nền tảng gọi đồ về nhà của Just Eat và Hungry House – đây là nền tảng cho phép khách hàng gọi món trực tiếp từ điện thoại thông minh và được giao hàng đến tận nhà. Hàng nghìn nhà hàng đăng ký sử dụng nền tảng này đều có quyền truy cập vào kho dữ liệu có thể cung cấp cho họ những thông tin như khách hàng thường gọi món gì, họ thích gọi đồ ăn vào ngày nào trong tuần, và họ còn hay lui tới các nhà hàng nào khác trong vùng. Chủ sở hữu các nhà hàng có thể sử dụng dữ liệu này nhằm tìm ra địa điểm tối ưu để mở cửa hàng cũng như để lên lịch trình cho các chương trình khuyến mãi và điều chỉnh thực đơn cho phù hợp với khẩu vị của thực khách. Họ cũng được tiếp cận với nhiều thông số đo lường giá trị, chẳng hạn thực khách sống cách cửa hàng của họ trung bình bao xa, họ chi tiêu bao nhiêu cho việc ăn uống, và thích ăn vào thời điểm nào trong ngày. Nền tảng du lịch TripAdvisor.com cũng cung cấp các dịch vụ dữ liệu tương tự cho chủ sở hữu các khách sạn, nhà hàng, và các công ty giải trí (thuộc đủ mọi quy mô lớn nhỏ khác nhau).

Viện Chiến lược Ngân hàng hân hạnh giới thiệu tới bạn đọc ấn phẩm này.

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Kinh Tế Học Viking: Cách Bắc Âu Thành Công Và Bài Học Cho Chúng Ta - Viking Economics.

Nguồn: Nxb Trẻ

Tác giả: George Lakey

Dịch giả: Phan Ngọc Lệ Minh

Giới thiệu ấn phẩm:

George Lakey là một nhà hoạt động xã hội học và học giả. Ông từng là giáo sư tại Đại học Swarthmore trước khi nghỉ hưu. Cuốn sách gần đây nhất của ông, Kinh tế học Viking, là một trong chín cuốn sách nói về sự thay đổi và cách đạt được thay đổi. Ông đã tổ chức hơn 1.500 hội thảo về thay đổi xã hội trên năm châu lục và dẫn dắt các dự án ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế.

Ông đã nhận được Giải thưởng Hòa bình Martin Luther King, Jr., Giải thưởng Công bằng Xã hội Paul Robeson, Giải thưởng Giải quyết Xung đột Ashley Montague, được vinh danh là “Nhà giáo dục Hòa bình của năm” vào năm 2010, và nhận Giải thưởng “Hương cao cổ vườn cổ vì lợi ích chung”.

George là một tín hữu Quaker, một người đồng tính có bốn cháu nội, ngoại.

Học giả và nhà hoạt động George Lakey thể hiện góc nhìn thú vị về nhà nước phúc lợi Bắc Âu — và cho thấy cách chúng ta có thể đạt đến một hệ thống kinh tế bình đẳng và công bằng hơn nhiều

Ở Mỹ, nhiều thành viên đảng Dân chủ coi Scandinavia như một miền đất hứa của sự bình đẳng, trong khi hầu hết các thành viên đảng Cộng hòa lo sợ rằng Bắc Âu là một điểm nóng của chủ nghĩa xã hội đang đe dọa tự do. Nhưng thông thường, cả cánh tả và cánh hữu đều có thể thống nhất một điều: hệ thống Bắc Âu không thể sao chép được cho Mỹ. Nước Mỹ quá lớn, hoặc quá cá nhân chủ nghĩa, hoặc quá khắt khe, hoặc quá... sao đó. Dù lý do là gì, điều đó là không thể, và chúng ta không nên phí công thử làm gì.

Đến đây thì George Lakey vào cuộc. Là một nhà hoạt động xã hội và học giả kỳ cựu, Lakey đã dành hàng chục năm nghiên cứu các nền kinh tế Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan và Iceland, và trong Kinh tế học Viking, ông tiết lộ rằng sự gắn bó sâu đậm của Scandinavia với nhà nước phúc lợi không lâu đời như chúng ta nghĩ. Cách đây không lâu, Scandinavia là một nơi bất bình đẳng hơn hiện nay nhiều, với sự gắn bó yếu hơn nhiều với phúc lợi xã hội của công dân mình. Bình đẳng không phải là đặc tính vốn dĩ của Scandinavia... vậy sao ta không thử nó ở đây?

Kinh tế học Viking vui và thú vị hơn bất kỳ cuốn sách kinh tế nào bạn từng đọc. Và, rất có thể, thuyết phục hơn! Khi đi từ lịch sử Na Uy thế kỷ 20 đến chi tiết các chính sách chăm sóc trẻ em của Thụy Điển, Lakey không bao giờ đánh mất khiếu hài hước hoặc tầm nhìn rộng rãi, hào phóng về một tương lai tốt đẹp hơn, bình đẳng hơn. Bằng cách giải thích rằng ngay cả những thử nghiệm lớn nhất của Scandinavia về bình đẳng xã hội cũng bắt nguồn từ những cuộc đấu tranh chính trị gần đây, Lakey giải thích về cách chúng ta cũng có thể làm được điều đó - và đập tan những cách hiểu thông thường.

Tác giả trình bày về sự thành công của mô hình Bắc Âu với những chứng cứ, số liệu đầy thuyết phục và những trải nghiệm cá nhân thú vị, và dựa trên sự so sánh với

các nền kinh tế hàng đầu thế giới khác, mà chủ yếu là Mỹ. Qua đó, tác giả chứng minh sự ưu việt của mô hình Bắc Âu so với mô hình Mỹ trên nhiều lĩnh vực và cho rằng Mỹ có thể áp dụng những điểm hay đó.

Sách gồm 3 phần chính:

- Phần 1: Họ đã đạt vị trí đỉnh cao như thế nào. Phần này trình bày về những nền tảng, cơ chế và điều kiện để các nước Bắc Âu đạt đến vị trí hiện tại. Điềm qua lịch sử, đây là một quá trình chuyển đổi không đơn giản, dễ dàng, vì các nước Bắc Âu không có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi như Mỹ, Anh.

- Phần 2: Thiết kế phục vụ đời sống ở các nước Bắc Âu. Đây là phần xương sống của cuốn sách, nói về những lĩnh vực nổi bật của mô hình Bắc Âu hiện tại, những việc họ đã và đang làm, có so sánh trực tiếp về số liệu và thông qua những câu chuyện trải nghiệm cá nhân với nước Mỹ và các nước phát triển khác.

- Phần 3: Các thách thức của ngày hôm nay của họ và của chúng ta. Phần này đề cập đến những thách thức mà các nước Bắc Âu đang chia sẻ với cả thế giới như vấn đề phân biệt chủng tộc, người nhập cư (đặc biệt từ các nước Hồi giáo), khủng bố... và cách thức họ giải quyết vấn đề. Nổi lên một điều là người Bắc Âu từ chối áp dụng những biện pháp đi ngược lại truyền thống dân chủ, bình đẳng của họ.

- Ngoài ra sách còn có một phần bonus khá thú vị là những câu hỏi đáp về việc mô hình Bắc Âu có thích hợp với nước Mỹ được ghi lại qua những buổi nói chuyện, thuyết trình của tác giả tại Mỹ.

Là một người Mỹ có vợ người Na Uy, có điều kiện trải nghiệm và thấu hiểu hai mô hình kinh tế, xã hội khác biệt, tác giả không chỉ trình bày thuần số liệu như các học giả salon. Những câu chuyện đời thường có phần hài hước và đầy ngưỡng mộ của tác giả về những "hậu duệ Viking" đưa độc giả từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Mặc dù ít nhiều biết đến nền kinh tế phát triển, phúc lợi xã hội cao của các nước Bắc Âu, nhưng độc giả sẽ ngạc nhiên, thậm chí khó tin khi đọc cuốn sách này, nếu không nhìn vào những số liệu cụ thể và sự so sánh trực tiếp với các nền kinh tế hàng đầu thế giới khác, mà chủ yếu là Mỹ. Điều làm cho họ nổi bật chính là họ có thể giải quyết hài hòa nhiều mục tiêu cùng lúc. Những mục tiêu dường như trái ngược nhau như lương công nhân cao và khả năng cạnh tranh cao của nền kinh tế, giàu có và khoảng cách giàu nghèo hẹp, tốc độ tăng trưởng cao và giờ làm ít, thuế cao và số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp lớn, mức toàn dụng lao động với lương và năng suất lao động cao lại không hề mâu thuẫn mà bổ sung cho nhau.

Một cuốn sách cần đọc để hiểu thêm về những nền kinh tế đáng ngưỡng mộ nhưng dường như còn xa lạ với độc giả Việt Nam.

Viện Chiến lược Ngân hàng hân hạnh giới thiệu tới bạn đọc ấn phẩm này.

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)